



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI**

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2022

Đồng Nai, tháng 04 năm 2022

**NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải thích
1	HSSV	Học sinh sinh viên
2	Đoàn TN	Đoàn Thanh niên
3	Đảng CSVN	Đảng cộng sản Việt Nam
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	BCH CĐCS	Ban chấp hành công đoàn cơ sở
6	CĐ CG&TL	Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
7	BCH	Ban chấp hành
8	TC	Trung cấp
9	CĐ	Cao đẳng
10	KTX	Kí túc xá
11	Bộ LĐ TB&XH	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
12	Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
13	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
14	KĐCLGDNN	Kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

15	UBND	Ủy ban nhân dân
----	------	-----------------

**PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP,
KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI

Tiếng Anh: *College of Machinery and Irrigation*

1.2. Địa chỉ trường: Hồ Nai 3 – Huyện Trảng Bom – Tỉnh Đồng Nai

1.3. Số điện thoại: 0251.3968.206; 0251.3968.216; 061.8917.407

1.4. Số fax: 0251. 3968.203

1.5. E-mail: cogioivathuyloi@gmail.com

1.6. Website: <http://vcmi.edu.vn>

1.7. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: Ngày 28/8/1976

- Năm thành lập trường Cao đẳng: Ngày 17/10/2008

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG

❖ Lịch sử phát triển Nhà trường

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là trường công lập, trực thuộc Bộ NN&PTNT. Trải qua thời gian, Trường đã nhiều lần được đổi tên và nâng cấp, cụ thể như sau:

- Ngày 28 tháng 8 năm 1976, Trường Công nhân Cơ giới 3 được thành lập theo quyết định số 1206/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) trên cơ sở tiếp quản Trường Trung cấp Kỹ thuật Gò Công tỉnh Tiền Giang có trụ sở đóng tại 91 - Trưng Nữ Vương - Thị xã Gò Công - Tỉnh Tiền Giang.

- Ngày 30 tháng 7 năm 1981, Trường Dạy nghề Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 4 được thành lập theo quyết định số 507/QĐ/TCCB của Bộ Thủy Lợi

- Ngày 13 tháng 9 năm 1986, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi ra quyết định số 434 sáp nhập Trường Công nhân Cơ giới 3 và Trường Dạy nghề Liên hiệp các Xí

ngành Xây dựng Thủy Lợi 4 thành Trường Dạy nghề Cơ giới 3 có trụ sở tại Xã Hồ Nai 3 – Huyện Trảng Bom – Tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 16 tháng 10 năm 2006, thành lập Trường Trung cấp Cơ điện và Thủy lợi Đông Nam Bộ trên cơ sở nâng cấp trường Dạy nghề Cơ giới 3 theo quyết định số 2986/QĐ – BNN-TCCB của Bộ Trưởng Bộ NN&PTNT.

- Ngày 17 tháng 10 năm 2008, Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi được thành lập theo quyết định số 1387/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Cơ điện và Thủy lợi Đông Nam Bộ.

- Thực hiện triển khai luật giáo dục nghề nghiệp năm 2017, ngày 20 tháng 6 năm 2017, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ra quyết định số 922/QĐ-LĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi thành Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi.

- Ngày 1 tháng 10 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội ra Quyết định số 1328/QĐ-BLĐTBXH sáp nhập Trường trung cấp Cơ điện Đông Nam Bộ vào Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi.

❖ Thành tích nổi bật

Trường Cao Đẳng Cơ giới và Thủy Lợi đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật đa ngành nghề theo 3 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nhằm phục vụ nhu cầu lao động của xã hội. Trong những năm qua, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích và được các cấp có thẩm quyền ghi nhận.

- Ngày 06 tháng 06 năm 2013 Trường được Bộ Lao Động Thương binh và Xã hội quy hoạch thành trường trọng điểm quốc gia, tham gia đào tạo 04 nghề đạt trình độ quốc tế và 02 nghề trình độ quốc gia theo quyết định số 854/QĐ-BLĐTBXH về việc phê duyệt nghề trọng điểm.

- Năm 2014 trường đã chính thức được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là một trong 45 trường công lập để tập trung đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 theo quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014.

- Những năm qua, Nhà trường đã mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường với các tổ chức quốc tế như tổ chức GIZ (CHLB Đức), tổ chức JICA – Nhật Bản, tổ chức Aus4skills của Australia và Tổng lãnh sự quán Hoa kỳ.

- Trong quá trình hoạt động, được sự lãnh đạo của cơ quan chủ quản là Bộ Nông nghiệp và PTNT, sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trực tiếp là Tổng cục GDNN, sự giúp đỡ và hợp tác của các ban ngành địa phương, các trường bạn cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ viên chức, giáo viên, nhân viên và HSSV, nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và được tặng thưởng nhiều bằng khen, cờ thi đua của Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ LĐ-TBXH, UBND tỉnh Đồng Nai dành cho tập thể và cá nhân.

❖ Về khen thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Nhất ngày 13/3/2017.
- Huân chương Lao động hạng Nhì ngày 24/12/2011.
- Huân chương lao động hạng Ba ngày 28/2/2008.
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/11/2011.
- Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/11/2016.
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ trưởng Bộ NN &PTNT ngày 13/11/2015.
- Cờ thi đua của Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 26/9/2019.
- Bằng khen của Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 19/10/2018
- Bằng khen của Bộ trưởng bộ Lao động – Thương binh và Xã hội vì Đã có thành tích trong công tác đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2017-2019
- Cờ thi đua của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 10/5/2017
- Cờ thi đua của Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT Đơn vị ngày 12/9/2019
- Bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 18/9/2017
- Bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 13/9/2018

- Bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 10/7/2019.

- Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 30/3/2017

- Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 29/3/2018

- Bằng khen UBND tỉnh Đồng Nai ngày 17/4/2019

- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho Tập thể Nhà trường , số 4132/QĐ - BNN – TCCB ngày 10/12/2017

- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho Tập thể Nhà trường , số 4045/QĐ - BNN – TCCB ngày 16/10/2018

- Nhiều cá nhân được tặng thưởng Bằng khen Thủ tướng chính phủ, của Bộ Nông nghiệp và PTNT, của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai .

❖ Các thành tích nổi bật:

- *Hội thi Giáo viên dạy giỏi các cấp:*

+ Năm 2017 giáo viên nhà trường đạt 03 giải nhất, 02 giải nhì tại Hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp Bộ;

+ Giai đoạn 2016-2019 đội tuyển giáo viên nhà trường tham dự 02 lần Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh và đạt 02 giải nhất toàn đoàn với 06 giải Nhất, 04 giải Nhì, 01 giải Ba cá nhân.

+ Năm 2018 tham dự Hội giảng giáo viên dạy giỏi toàn quốc đội tuyển giáo viên của nhà trường đạt 1 giải ba và 01 giải khuyến khích;

+ Năm 2020 tham dự Hội giảng giáo viên dạy giỏi toàn quốc đội tuyển giáo viên của nhà trường đạt 03 giải khuyến khích;

- *Hội thi tay nghề học sinh các cấp:*

+ Hội thi tay nghề trẻ tỉnh Đồng Nai năm 2018 đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba.

+ Hội thi tay nghề trẻ quốc gia năm 2018 đạt 02 giải ba.

+ Hội thi tay nghề trẻ Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2020 đạt 13 giải nhất, 01 giải ba.

- *Hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp:*

+ Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2019 đạt 02 giải nhất, 02 giải nhì.

+ Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019 đạt 02 giải nhì.

3. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên đơn vị: Khoa Điện – Điện tử

Tên Tiếng Anh: Faculty Electrical-electronics

Số điện thoại: 0979.915.879

Email: khoadiencg@gmail.com

Website: <https://vcmi.edu.vn/khoa-dien-dien-tu>

Năm thành lập đơn vị: 2006

3.1. Lịch sử và thành tích nổi bật của Khoa Điện – Điện tử

❖ Tóm tắt lịch sử phát triển:

- Trước năm 2006: trực thuộc Khoa Cơ Điện
- Từ năm 2006 đến nay thành lập Khoa Điện – Điện tử.

❖ Thành tích nổi bật của Khoa :

➤ Thành tích của tập thể giáo viên trong Khoa:

- 02 Bằng khen của Bộ Nông nghiệp & PTNT
- 01 bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai
- 03 năm liền đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động xuất sắc.

➤ Thành tích của các cá nhân giáo viên trong Khoa:

- 01 giáo viên đạt giải Nhất, 01 nhà giáo đạt giải Nhì tại Hội giảng Nhà giáo GDNN Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2020.

- 01 giáo viên Đạt giải khuyến khích tại Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021.

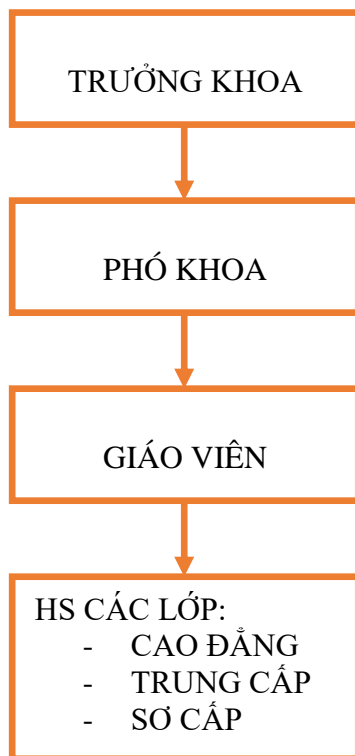
- Được UBND tỉnh Đồng Nai, Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng nhiều bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác.

➤ Thành tích thi học sinh giỏi nghề:

- 05 học sinh đạt giải nhất tại Hội thi tay nghề trẻ do Bộ NN&PTNT tổ chức.
- 01 học sinh đạt giải ba, 03 học sinh đạt Chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc (Giải khuyến khích) tại kỳ thi kỹ năng nghề Quốc gia năm 2020.

- 01 học sinh được tuyển chọn vào đội tuyển quốc gia huấn luyện tham dự Kỳ thi tay nghề Thế giới được tổ chức tại Thượng Hải (Trung Quốc) trong thời gian tới.

3.2. Cơ cấu tổ chức



3.3. Danh sách cán bộ chủ chốt của Khoa

Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, chức vụ
Dương Cảnh Toàn	1983	Trưởng khoa
Trần Thị Thùy Hương	1983	Phó Trưởng khoa
Vũ Văn Tuyên	1988	Phó Trưởng khoa

3.4. Các ngành nghề đào tạo của Khoa

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo/quy mô tuyển sinh		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Điện công nghiệp	60	220	80

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo/quy mô tuyển sinh		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
2	Điện tử công nghiệp	25	45	
3	Cơ điện tử	25	25	
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	30	55	
5	Công nghệ Điện tử và Năng lượng tòa nhà	30	30	

3.5. Cán bộ, giáo viên của Khoa

Thống kê số lượng cán bộ, giáo viên của khoa thực hiện chương trình đào tạo:

Tổng số: 25

- Nam: 21 - Nữ: 04
- Cơ hữu: 25 - Thỉnh giảng : 0

<i>Giáo viên cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	05	01	06
Đại học	16	03	19
Tổng số	21	04	25

3.6. Số lượng học sinh, sinh viên

Trình độ đào tạo	Năm học			
	2019	2020	2021	2022

1. Cao đẳng	141	148	137	126
Nghề Điện công nghiệp	141	148	137	126
2. Trung cấp	408	416	397	392
Nghề Điện công nghiệp	408	416	397	392
Tổng	549	564	534	518

4. Thông tin về Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của nghề và phù hợp với nhu cầu thực tế xã hội.

Tên ngành, nghề: Điện công nghiệp

Mã ngành, nghề: 6520227

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề điện trong lĩnh vực công nghiệp như: thiết kế, lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tủ điện, máy điện, dây truyền sản xuất và các thiết bị điện trong các công ty sản xuất và kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

* Kiến thức:

- Trình bày được những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện và vật liệu điện;
- Trình bày được các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
- Nêu các khái niệm, định luật, định lý cơ bản trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha;
- Phân tích được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
- Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy điện;
- Trình bày được các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
- Trình bày được các khái niệm về các tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Trình bày được phương pháp tính toán các thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
- Phân tích được sơ đồ nguyên lý hệ thống điện của các máy công cụ như máy tiện, máy phay, máy khoan, máy bào và các máy sản xuất như băng tải, cầu trục, thang máy, lò điện...;
- Phân tích được nguyên lý của các loại cảm biến; các mạch điện cảm biến;
- Trình bày được nguyên lý của hệ thống cung cấp truyền tải điện;
- Nhận dạng được các thiết bị điện cơ trong hệ truyền động điện;
- Trình bày được nguyên tắc và phương pháp điều khiển tốc độ của hệ truyền động điện;
- Phân tích được cấu tạo, nguyên lý của một số thiết bị điện hình như soft stater, inverter, các bộ biến đổi;

- Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện thụ động;
- Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện bán dẫn, các cách mắc linh kiện trong mạch điện, cách xác định thông số kỹ thuật của linh kiện;
- Trình bày được cấu tạo một số mạch điện tử đơn giản ứng dụng linh kiện điện tử và nguyên lý hoạt động của chúng;
- Mô tả được cách sử dụng các thiết bị đo, các thiết bị hàn;
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các linh kiện điện tử công suất;
- Trình bày được các qui trình trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC của các hãng khác nhau;
- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý làm việc của các hệ thống điều khiển giám sát SCADA (Supervision Control And Data Acquisition) trong công nghiệp;
- So sánh được ưu nhược điểm của bộ điều khiển PLC với các hệ thống;
- Mô tả được cấu trúc các phần chính của hệ thống điều khiển: ngôn ngữ, liên kết, định thời của các loại PLC khác nhau;
- Phân tích được nguyên lý, cấu tạo của hệ thống điều khiển điện khí nén;
- Trình bày được khái niệm, vai trò và phân loại mạng truyền thông công nghiệp;
- Trình bày được nội dung cơ bản trong cơ sở kỹ thuật truyền thông: Chế độ truyền tải, cấu trúc mạng, kiến trúc giao thức, truy nhập bus, bảo toàn dữ liệu, mã hóa bit, kỹ thuật truyền dẫn;
- Trình bày được các thành phần cơ bản của hệ thống mạng;
- Trình bày được các đặc điểm cấu trúc cơ bản của một số hệ thống bus tiêu biểu: Profibus, CAN, Modbus, Interbus, AS-i, Ethernet;
- Phân tích được các loại bản vẽ thiết kế, lắp đặt của các hệ thống điện;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

* Kỹ năng:

- Đọc được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
- Tính toán được thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
- Lắp đặt thành thạo các hệ thống để bảo vệ an toàn trong công nghiệp và dân dụng;
- Nhận dạng, lựa chọn và sử dụng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
- Tổ chức thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và sơ, cấp cứu được người bị điện giật đúng phương pháp;
- Xác định và phân loại được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;
- Tính chọn được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;
- Tháo lắp được các loại vật liệu điện, khí cụ điện;
- Đo được các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
- Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha ở trạng thái xác lập và quá độ;
- Vẽ và phân tích được sơ đồ dây quấn stato của động cơ không đồng bộ một pha, ba pha;
- Tính toán, quấn lại được động cơ một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;
- Tính toán thông số, quấn được dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
- Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được máy điện theo yêu cầu;
- Tháo lắp và sửa chữa được các khí cụ điện đúng theo thông số của nhà sản xuất;
- Xác định và sửa chữa được các hư hỏng của thiết bị điện gia dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất;
- Lắp đặt được hệ thống chiếu sáng cho hộ gia đình theo bản vẽ thiết kế;

- Xây dựng và kiểm soát được hệ thống quy trình ISO trong công xưởng hoặc nhà máy;
- Lắp đặt, sửa chữa được các mạch mở máy, dừng máy cho động cơ 3 pha, 1 pha, động cơ một chiều;
- Lắp ráp được các mạch bảo vệ và tín hiệu;
- Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điện máy cắt gọt kim loại như: mạch điện máy khoan, máy tiện, phay, bào, mài...và các máy sản xuất như cầu trục, thang máy, lò điện...;
- Lắp ráp, cài đặt được các mạch điện cảm biến;
- Sửa chữa, thay thế được các mạch điện cảm biến;
- Tính, chọn được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy;
- Tính, chọn được nối đất và chống sét cho đường dây tải điện và các công trình phù hợp với điều kiện làm việc theo TCVN và Tiêu chuẩn IEC về điện;
- Lắp đặt được đường dây cung cấp điện cho một tòa nhà, phân xưởng phù hợp với yêu cầu và đạt tiêu chuẩn;
- Tính, chọn được động cơ điện phù hợp cho một hệ truyền động điện không điều chỉnh và có điều chỉnh;
- Xác định được các linh kiện trên sơ đồ mạch điện và thực tế. Vẽ, phân tích các sơ đồ mạch điện cơ bản ứng dụng linh kiện điện tử;
- Sử dụng thành thạo các thiết bị đo để đo, kiểm tra các linh kiện điện tử, các thành phần của mạch điện, các tham số của mạch điện;
- Hàn và tháo lắp thành thạo các mạch điện tử;
- Kiểm tra được chất lượng các linh kiện điện tử công suất trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất cơ bản;
- Kết nối thành thạo PLC với PC và với các thiết bị ngoại vi;
- Viết chương trình cho các loại PLC khác nhau đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điều khiển điện khí nén trong công nghiệp như dây truyền phân loại sản phẩm, hệ thống nâng hạ...;
- Vận hành được mạch theo nguyên tắc, theo qui trình đã định;

- Lập được kế hoạch bảo trì hợp lý, đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Thiết kế được các ứng dụng SCADA trong các hệ thống điều khiển công nghiệp;
- Lập trình điều khiển giám sát được các hệ thống điều khiển trong công nghiệp;
- Tháo, lắp được bộ cảm biến và bộ phận/phần tử trong hệ thống tự động hóa, thay thế và hiệu chỉnh các phần tử;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; tinh thần trách nhiệm cao;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện công trình;
- Vận hành, bảo trì hệ thống điện công trình;
- Lắp đặt và vận hành hệ thống cung cấp điện;
- Bảo trì hệ thống cung cấp điện;
- Lắp đặt tủ điện;

- Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành máy điện;
- Lắp đặt hệ thống tự động hóa;
- Vận hành, bảo trì hệ thống tự động hóa;
- Lắp đặt hệ thống điện năng lượng tái tạo;
- Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện năng lượng tái tạo;
- Lắp đặt mạch máy công cụ;
- Sửa chữa, bảo dưỡng mạch máy công cụ;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS);
- Kinh doanh thiết bị điện.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 43
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 153 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 471 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 3155 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 1080 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2389 giờ;
Kiểm tra: 157 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	471	169	278	24
MH01	Chính trị	4	75	41	29	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	5	120	42	72	6
MĐ07	Mô đun cơ bản về bảo vệ MT, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	1	36	12	23	1
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	133	3155	911	2111	133
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	28	570	221	321	28
MH 08	An toàn và bảo hộ lao động	2	45	13	30	2
MH 09	Kỹ thuật điện	3	75	30	42	3
MH 10	Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
MĐ 11	Vẽ điện	2	45	15	28	2
MH 12	Vật liệu điện	2	30	13	15	2
MĐ 13	Khí cụ điện	2	45	15	28	2
MĐ 14	Điện tử cơ bản	4	75	30	41	4
MĐ 15	Kỹ thuật nguội	3	60	15	42	3
MĐ 16	Auto CAD	3	60	30	27	3
MH 17	Tiếng anh chuyên ngành	5	90	45	40	5
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	105	2585	690	1790	105
MĐ 18	Đo lường điện	3	60	30	27	3
MĐ 19	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	150	30	114	6
MĐ 20	Máy điện 1	6	180	30	144	6
MĐ 21	Máy điện 2	5	120	30	85	5
MĐ 22	Truyền động điện	5	120	45	70	5
MĐ 23	Chuyên đề truyền động điện	2	45	15	28	2
MĐ 24	Trang bị điện 1	6	180	30	144	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
MĐ 25	Trang bị điện 2	6	150	30	114	6
MĐ 26	Chuyên đề trang bị điện	2	45	15	28	2
MĐ 27	Cung cấp điện	5	90	45	40	5
MĐ 28	Chuyên đề cung cấp điện	2	45	15	28	2
MĐ 29	Kỹ thuật xung	2	45	15	28	2
MĐ 30	Kỹ thuật số	3	75	30	42	3
MĐ 31	Kỹ thuật cảm biến	3	60	30	27	3
MĐ 32	PLC cơ bản	6	150	30	114	6
MĐ 33	Điều khiển điện khí nén	4	90	30	56	4
MĐ 34	Điện tử công suất	4	90	30	56	4
MĐ 35	PLC nâng cao	6	150	30	114	6
MĐ 36	Thiết bị điện gia dụng	4	90	30	56	4
MĐ 37	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	4	90	30	56	4
MĐ 38	Chuyên đề tự động hóa	2	45	15	28	2
MĐ 39	Kỹ thuật lạnh	4	90	30	56	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
MĐ 40	Năng lượng tái tạo	4	90	30	56	4
MĐ 41	Quản lý chất lượng	2	45	15	28	2
MĐ 42	Mạng truyền thông công nghiệp	4	90	30	56	4
MĐ 43	Thực tập tốt nghiệp	5	200	0	195	5
Tổng cộng		153	3626	1080	2389	157

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung giảng dạy theo quy định tại thông tư Thông tư 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018; Thông tư 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018; Thông tư 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018; Thông tư 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018; Thông tư 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018; 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/1/2019.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định cụ thể:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí tham quan, thực tập tại một số cơ sở doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm phù hợp.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

- Hình thức thi, kiểm tra: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận,... hoặc có thể kết hợp các hình thức trên;

- Thời gian làm bài thi kết thúc mô đun/Môn học: Được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo;

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học/Mô đun bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp và 30 giờ học thực hành, thực tập; Tất cả các môn học/Mô đun có giáo viên hướng dẫn ôn tập và có đề cương ôn thi được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn;

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp;

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp;

- Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác

- Trong chương trình này, các môn học, mô đun đều được đặt tên theo mức độ phổ thông nhằm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau này khi ra trường. Bổ sung nhiều môn học, mô đun theo hướng phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay.

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (3 học kỳ), sinh viên cần học bổ sung những môn học chung, kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình

độ Trung cấp. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này vẫn áp dụng như sinh viên bậc Cao đẳng.

- Một số mô đun chuyên ngành có thể giảng dạy tại trường hoặc kết hợp với các công ty, doanh nghiệp để giảng dạy và thực tập cho phù hợp.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chương

5. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Điện - Điện tử có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng chuyên môn hóa đảm bảo yêu cầu đào tạo cho các ngành nghề ở 3 cấp trình độ mà nhà trường đã đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. So với lưu lượng học sinh học nghề Điện công nghiệp khoảng 550 HSSV/năm thì hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và các phòng chuyên môn hóa đáp ứng được các hoạt động đào tạo của khoa:

- Hệ thống phòng học lý thuyết: học theo kế hoạch chung của trường. Các phòng học có diện tích từ 60 m² trở lên.

- Hệ thống xưởng thực hành gồm 31 xưởng; tại 02 cơ sở

+ Cơ sở Hồ Nai 3: 22 xưởng với diện tích 72 m²/xưởng trở lên.

+ Cơ sở Thiện Tân: 09 xưởng với diện tích 135 m²/xưởng trở lên.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ công văn số 1690/ TCDN-KĐCL ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc hướng dẫn đánh giá đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018.

- Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng: Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định: thực hiện theo công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác Kiểm định chất lượng dạy nghề mà Bộ LĐTBXH yêu cầu, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã nghiêm túc thực hiện công việc. Đây là dịp Nhà trường cũng như khoa Điện – Điện tử tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo một bộ tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả kiểm định, toàn thể cán bộ, giáo viên trong Khoa sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng của chương trình đào tạo, cũng như phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi nói chung, khoa Điện – Điện tử nói riêng trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá lần này là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhằm mục đích cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hóa và từng bước đưa chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp tiến tới gần trình độ các nước trong khu vực Asean và quốc tế.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá:

- Thực hiện đúng các quy định của TCGDNN và Bộ LĐTBXH đã ban hành.

- Đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

- Nội dung nhất quán giữa các phần của báo cáo. Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.

- Thực hiện công tác Tự đánh giá một cách công khai, dân chủ, thu thập minh chứng từ nhiều nguồn, bằng nhiều phương pháp, đảm bảo tính trung thực, đảm bảo đúng thời gian, kế hoạch đề ra.

1.4. Phương pháp tự đánh giá:

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH để thu thập minh chứng.

Phân tích kết quả từ các minh chứng: Thư ký và các nhóm chuyên trách tổng hợp kết quả từ các minh chứng, phân loại các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định, lập báo cáo cho các tiêu chí.

Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn do các đơn vị và nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Ban thư ký họp thông qua dự thảo báo cáo. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình hội đồng tự đánh giá xem xét.

Lấy ý kiến phản biện và ý kiến bổ sung: Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi các đơn vị, tổ chức trong toàn trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của Hiệu trưởng để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện quy trình tự đánh giá theo mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá.
- Thành lập các nhóm chuyên trách.
- Tổ chức tập huấn cho các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ.

- Các nhóm chuyên trách phối hợp với các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn kiểm định, viết báo cáo tự đánh giá theo đơn vị và gửi về Hội đồng tự đánh giá trường, các nhóm chuyên trách sẽ tổng hợp theo từng tiêu chí tiêu chuẩn mình phụ trách và Ban thư ký tổng hợp viết Báo cáo Tự đánh giá trình Hội đồng và lấy ý kiến tham khảo trong toàn trường. Sau giai đoạn này các nhóm chuyên trách tiếp tục bổ sung một số minh chứng được các đơn vị trong trường cung cấp thêm.

- Thư ký hội đồng hoàn thành Báo cáo Tự đánh giá trình Hiệu trưởng ký và báo cáo về TCGDNN.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mẫu 4.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Đề xuất kết quả		
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt trên 80% chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển	2	Đạt

	sinh của Trường.		
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo tiến độ đã được phê duyệt.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập phù hợp với ngành nghề đào tạo tại đơn vị sử dụng lao động trước khi tốt nghiệp	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy	2	Đạt

	đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo qui định		
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỷ lệ số người học/lớp và tỉ lệ qui đổi người học/nhà giáo theo qui định	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2.	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và	2	Đạt

	thẩm định chương trình đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	10. Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt

	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo	2	Đạt

	trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt	2	Đạt

	nghiệp.		
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế	2	Đạt

	hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi là cơ sở dạy nghề công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Tổng cục GDNN - Bộ Lao động Thương binh - Xã hội. Trong những năm qua, mục tiêu và sứ mạng của trường luôn được xác định một cách rõ ràng, cụ thể và được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng như website, các đài phát thanh truyền hình...

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu của thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát chỉnh sửa theo quy định.

Trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, có quy chế hoạt động minh bạch. Khoa Điện – Điện tử được phân công nhiệm vụ rõ ràng; có quy định tuyển dụng chặt chẽ; công tác quy hoạch cán bộ quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên... được thực hiện có kế hoạch và phù hợp với từng giai đoạn. Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên của trường vững mạnh và có vai trò tích cực trong hoạt động của trường.

Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp.

❖ Những điểm mạnh

- Trường Cao đẳng CG&TL có đầy đủ các quyết định thành lập, trường được giao nhiệm vụ cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển và phù hợp với mục tiêu của ngành cũng như của tỉnh Đồng Nai. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt. Hàng năm trường đều rà soát các mục tiêu cụ thể, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, hướng tới xây dựng Nhà trường thành nơi đào tạo chất lượng cao đa ngành, đa cấp trình độ, mô hình đào tạo nghề xanh, đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, tiếp cận trình độ đào tạo các nước ASEAN-4, các nước phát triển trong nhóm G20 theo Quyết định số 1778/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Mục tiêu của trường được xây dựng và thảo luận rộng rãi trong các đơn vị; khi hoàn thành được công bố trước toàn thể cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động và được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm.

- Nghề Điện công nghiệp là nghề trọng điểm quốc tế, nghề chất lượng cao của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp phù hợp mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

- Khoa Điện - Điện tử là khoa trọng điểm của trường với đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn. Khoa nhiều năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đã được các cấp lãnh đạo tặng nhiều bằng khen, giấy khen cho tập thể và cá nhân.

- Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một HSSV/năm, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

❖ Những tồn tại:

- Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, bất cập do thiếu kinh phí thực hiện.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo để có biện pháp điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên mọi mặt của Nhà trường, đồng thời, định kỳ rà soát hiệu quả của công tác này để có những điều chỉnh phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, nhiệm vụ của Nhà trường được quy định cụ thể như sau:

1. “Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện hợp tác quốc tế; liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm theo quy định của pháp luật”.

Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt theo Quyết định số 1778/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/04/2021 đã khẳng định sứ mạng của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi “Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, có năng lực đào tạo chất lượng cao đa ngành, đa cấp trình độ, mô hình đào tạo nghề xanh, đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, tiếp cận trình độ đào tạo các nước ASEAN-4, các nước phát triển trong nhóm G20. Thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ kỹ thuật trong giảng dạy và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và PTNT, phát triển kinh tế xã hội địa phương và vùng Đông Nam Bộ; vận hành hệ thống quản trị hiện đại, thúc đẩy phát triển nâng cao năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả”.

“Giai đoạn 2021 – 2025, trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, đào tạo đa ngành, đa cấp trình độ chất lượng cao; đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Là nơi gắn kết, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh và thích ứng với thị trường lao động. Đẩy mạnh đào tạo nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực trọng điểm về cơ khí, điện - điện tử, cơ giới;”

Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030 cũng đã ghi rõ mục tiêu của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi giai đoạn 2021 – 2025 là “Phát triển 08 nghề trọng điểm, chất lượng cao theo tiêu chuẩn các nước trong nhóm G20, trình độ các nước ASEAN-4 về các lĩnh vực: Điện công nghiệp; Công nghệ ô tô; Cắt gọt kim loại; Điện tử công nghiệp; Vận hành máy thi công nền, trong đó hai nghề Điện công nghiệp; Vận hành máy thi công nền đang được tổ chức đào tạo theo chương trình chuyển giao của Cộng hòa Liên bang Đức. Các nghề Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà; Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí được đào tạo theo tiêu chuẩn của Cộng hòa Liên bang Đức; phát triển nghề Quản lý kho hàng theo tiêu chuẩn APEC.”

(1.1.01- Quyết định 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi; 1.1.02 – Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030)

Như vậy có thể khẳng định Nghề Điện công nghiệp là nghề trọng điểm quốc tế, nghề chất lượng cao của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường đó là “Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề điện trong lĩnh vực công nghiệp như: thiết kế, lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tủ điện, máy điện, dây truyền sản xuất và các thiết bị điện trong các công ty sản xuất và kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. (1.1.03 - Quyết định số 547a/QĐ-CG< ngày 11/08/2020 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 1.1.04 - Quyết định số 1836/QĐ-LĐTĐ ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025).

Ngày 28/05/2020 Thủ tướng chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg về việc đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Kế hoạch số 198/KH/TU ngày 10/08/2018 của Tỉnh Ủy Đồng Nai với định hướng đến năm 2030 cũng nêu rõ: “Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp: Cơ khí chế tạo, ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị điện tử, công nghiệp điện tử và công nghiệp hỗ trợ...trong đó phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên theo định hướng tích hợp thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác”. Đồng Nai là một trong 8 tỉnh, thành phố thuộc vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây là một trong những khu vực kinh tế phát triển nhất cả nước, nhu cầu thị trường lao động rất lớn, đặc biệt là lao động có tay nghề. Chính vì vậy việc phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghiệp cơ khí, điện – điện tử, logistics...là một nhu cầu tất yếu.

Bên cạnh đó, quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025 với định hướng: Ưu tiên thu hút đầu tư các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao như ngành công nghiệp điện - điện tử; cơ khí, đặc biệt là cơ khí chế tạo.

Như vậy, đối chiếu với mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, thấy rằng: mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp phù hợp, đáp ứng với điều kiện thực tế và yêu cầu sử dụng lao động của tỉnh nhà.

Hàng năm, Tỉnh Đồng Nai đều giao chỉ tiêu đào tạo nghề cho Trường và ký kết hợp đồng đào tạo nghề cho học sinh Đồng Nai. Qua đó chứng tỏ rằng: Mục tiêu, nhiệm vụ của trường nói chung và nghề Điện công nghiệp nói riêng phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu sử dụng lao động của địa phương, ngành. (1.1.05-Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025; 1.1.06-Hợp đồng đào tạo với Sở Lao động TBXH Đồng Nai).

Qua báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, nhu cầu sử dụng lao động có chuyên môn kỹ thuật của doanh nghiệp là 73.2%. Trong đó, phần lớn các doanh nghiệp đều hài lòng về trình độ của sinh viên Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi sau khi tốt nghiệp. Các doanh nghiệp đến trường để tuyển dụng sinh viên hoặc gửi các tờ rơi, thông báo tuyển dụng của công ty đối với học sinh học nghề Điện công nghiệp. (1.1.07 - Các thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp; 1.1.08 - Báo cáo khảo sát doanh nghiệp).

Như vậy, bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi được công bố rộng rãi trên Website <http://vcmi.edu.vn>, trên các poster, trang thông tin tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, được phổ biến đến HSSV thông qua các buổi sinh hoạt lớp, học tập chính trị đầu khóa... (1.1.09 - Website <http://vcmi.edu.vn>; 1.1.10 – Poster của trường Cao đẳng Cơ giới và thủy lợi)

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Khoa Điện - Điện tử và Nhà trường đã thực hiện rà soát và đổi mới chương trình đào tạo để phù hợp với sự thay đổi của thị trường lao động và mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường. Theo đó, năm 2017 Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ban hành bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp và đưa vào giảng dạy năm 2017, 2018, 2019. Với sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Quốc tế GIZ, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, hàng năm Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến, nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh về chất lượng đào tạo của nhà trường qua các hình thức như lấy phiếu khảo sát, phỏng vấn... Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, cựu học sinh, sinh viên và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Đồng thời, trong chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030, mục tiêu của Nhà trường đã có sự thay đổi là xây dựng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi trở thành “trường chất lượng cao hàng đầu trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam. Phấn đấu đến năm 2030 trở thành “Trung tâm giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề xanh chất lượng cao.” “Là trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, xanh hóa môi trường.” Vì vậy, đến năm 2020 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ký Quyết định ban hành bộ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp để phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu xã hội. Một số môn học mới đã được bổ sung như: Mô đun cơ bản về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả; Mạng truyền thông công nghiệp; Năng lượng tái tạo; chuyên đề Trang bị điện.v.v. (1.1.11 - Quyết định số 202/QĐ-CG< ngày 19/04/2017 về việc Ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; 1.1.12 - Quyết định số 547a/QĐ-CG< ngày 11/08/2020 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 1.1.13 - Báo cáo khảo sát các bên liên quan).

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Căn cứ công văn này Nhà trường Ban hành Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm của từng đơn vị trong trường.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được xác định rõ ràng về quyền tự chủ, cơ cấu tổ chức bộ máy, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.

Theo đó, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ban hành Quyết định số 672/QĐ-CG&TL ngày 15/11/2018 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Điện - Điện tử. Theo đó, khoa Điện - Điện tử có nhiệm vụ tổ chức quản lý, thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập của các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cơ điện tử, Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà; Xây dựng và tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường... (*1.1.01-Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi; 1.2.01-Quyết định số 672/QĐ-CG&TL ngày 15/11/2018 qui định chức năng, nhiệm vụ Khoa Điện - Điện tử*)

Trong 3 năm qua, Khoa Điện - Điện tử đã hoàn hành tốt nhiệm vụ đề ra đối với chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp như: Tỷ lệ tuyển mới nghề Điện công nghiệp từ năm 2019 đến năm 2021 luôn hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể như sau:

Năm	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022 (Dự kiến)	Ghi chú
Chỉ tiêu tuyển sinh	200	200	200	200	
Kết quả tuyển sinh	212	191	191	200	
Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu đề ra	106.0%	95.5%	95.5%	100.0%	

Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp và có việc làm luôn ở mức cao:

Năm	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022 (Dự kiến)	Ghi chú
Tỷ lệ HSSV đạt tốt nghiệp	92.30%	92.98%	95.9%	100%	

Tỉ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm	97.5%	96.4%	95.6%	100%	
-----------------------------------	-------	-------	-------	------	--

Từ năm 2019 đến nay đã tổ chức đào tạo cho gần 1.000 HSSV học nghề Điện công nghiệp. Trong đó có 16 sinh viên trình độ Cao đẳng hiện đang được đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức. (**1.2.02** - Báo cáo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; **1.2.03** - Báo cáo tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; **1.2.04** - Quyết định mở lớp nghề Điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Đội ngũ cán bộ, giáo viên Khoa Điện - Điện tử có trình độ cao, hầu hết được đào tạo bồi dưỡng nâng cao tại nước ngoài (CHLB Đức), nhiệt tình trong công việc. Khoa có nhiều sinh viên đạt thành tích cao tại Hội thi tay nghề cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; nhiều giáo viên đạt thành tích cao tại các kỳ Hội giảng, Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp trường. Cụ thể như sau:

Năm	Thành tích đạt được của Khoa Điện – Điện tử
2019	- Đạt 01 giải khuyến khích tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh Đồng Nai.
2020	- Có 05 học sinh đạt giải nhất tại Hội thi tay nghề cấp Bộ, trong đó 4 học sinh được lựa chọn tham gia kỳ thi tay nghề quốc gia; - Có 01 học sinh đạt giải ba, 03 học sinh đạt giải khuyến khích tại Hội thi tay nghề toàn quốc năm 2020. - Có 01 giáo viên đạt giải Nhất, 01 giáo viên đạt giải Nhì tại kỳ Hội giảng Nhà giáo GDNN năm 2020
2021	- Có 01 học sinh được tuyển chọn vào đội tuyển quốc gia tham dự Kỳ thi tay nghề Thế giới được tổ chức tại Thượng Hải trong thời gian tới. - Có 01 giáo viên đạt giải khuyến khích tại kỳ Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2021

Với những thành tích đã đạt được, Khoa Điện - Điện tử nhiều năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đã được các cấp lãnh đạo tặng nhiều bằng khen, giấy khen cho tập thể và cá nhân của Khoa. Cụ thể như sau:

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2019	Tập thể lao động xuất sắc năm học 2018 -2019	Quyết định số 531/QĐ-CG&TL ngày 26/07/2019, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
2020	Tập thể lao động xuất sắc năm học 2019 - 2020	Quyết định số 554/QĐ-CG&TL ngày 17/08/2020, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
2021	Tập thể lao động xuất sắc năm học 2020 - 2021	Quyết định số 490/QĐ-CG&TL ngày 17/08/2021, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
2019	Bằng khen: “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2017 – 2018 và 2018 - 2019”	Quyết định số 4360/ QĐ – BNN – TCCB ký ngày 14/11/2019 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Tập thể Khoa Điện - Điện tử -Ông Nguyễn Tuấn Vũ, GV khoa Điện - Điện tử

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
2020	Bằng khen: “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc tại Hội thi tay nghề Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lần thứ IX, năm 2020”	Quyết định số 1011/ QĐ – BNN – TCCB ký ngày 23/03/2020 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Ông Dương Cảnh Toàn TK khoa Điện - Điện tử -Ông Nguyễn Tuấn Vũ, GV khoa Điện - Điện tử -Ông Phạm Minh Phong, GV khoa Điện - Điện tử
	Bằng khen: “Đã có thành tích trong việc tổ chức và tham gia Hội thi tay nghề bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2020”	Quyết định số 101/QĐ-CDN ký ngày 21/05/2020 – Công đoàn Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Ông Vũ Văn Tuyên, Giáo viên khoa Điện, Điện tử
	Bằng khen: “Nhà giáo đạt giải tại Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Bộ NN & PTNT năm 2020”	Quyết định số 4313/QĐ – BNN – TCCB ký ngày 30/10/2020 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Ông Nguyễn Hải Sơn, Giáo viên khoa Điện, Điện tử -Ông Võ Quang Huy, Giáo viên khoa Điện, Điện tử
	Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong Hội giảng Nhà giáo	Quyết định số 205/QĐ - CDN ký ngày 22/10/2020 – Công đoàn Nông nghiệp và phát	-Ông Nguyễn Hải Sơn, Giáo viên khoa Điện, Điện tử

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
	giáo dục nghề nghiệp Bộ Nông nghiệp & PTNT năm 2020”	triển nông thôn.	
	Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016 -2020”	Quyết định số 5354/QĐ – BNN – TCCB ký ngày 29/12/2020 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Ông Dương Cảnh Toàn TK khoa Điện - Điện tử
2021	Bằng khen: “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 – 2021”	Quyết định số 4479/QĐ – BNN – TCCB ký ngày 17/11/2021 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	-Tập thể Khoa Điện - Điện tử -Ông Võ Quang Huy, GV khoa Điện - Điện tử
	Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo nhân dịp kỷ niệm 45 năm Ngày thành lập”	Quyết định số 4705/QĐ – UBND ký ngày 17/11/2021 - Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Tập thể Khoa Điện - Điện tử

(1.2.05 - Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 1.2.06 - Các quyết định khen thưởng)

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Nguồn lực tài chính của trường được đảm bảo từ các nguồn sau:

- + Nguồn Ngân sách nhà nước do Bộ chủ quản cấp
- + Nguồn thu học phí, lệ phí, các hợp đồng đào tạo
- + Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh

(1.3.01-Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm 2019, 2020, 2021; 1.3.02 Quyết định mức thu học phí năm 2019, 2020, 2021; 1.3.03-Hợp đồng đào tạo nghề với Sở LĐTBXH Đồng Nai;1.3.04-Sổ chi tiết thu dịch vụ SXKD năm 2019, 2020, 2021; 1.3.05-Các Hợp đồng giao khoán)

Dựa trên nguồn lực hiện có, nhà trường lập dự toán thu chi cho các hoạt động đào tạo nhằm đảm bảo công tác kiểm soát thu-chi một cách hiệu quả, hợp lý. (1.3.06-Dự toán thu chi năm 2019, 2020, 2021).

Ngành Điện công nghiệp định mức chi các năm 2019, 2020, 2021 như sau:

STT	Năm	Định mức chi tối thiểu/học sinh/năm	
		Hệ trung cấp	Hệ cao đẳng
1	2019		
2	2020		
3	2021		

Hàng năm, Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra, kiểm tra và đánh giá nội bộ về các nguồn thu của trường nhằm đảm bảo kinh phí cho các hoạt động (1.3.07-Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tài chính 2019, 2020, 2021; 1.3.08-Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt các năm 2019, 2020, 2021). Đồng thời kiểm tra công tác đào tạo để xác định số lượng HSSV đang theo học nhằm đảm bảo kinh phí và chất lượng cho việc thực hiện chương trình đào tạo. (1.3.09-Biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo 2019, 2020, 2021)

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng kế hoạch, chất lượng đào tạo được nâng cao, bảo đảm đáp ứng với yêu cầu thực tế. Kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất.

Trường có nhiều loại hình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo như: đào tạo chính quy, ngoài giờ, đào tạo ngắn hạn, chuyên đề, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, đào tạo theo mô đun, đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp nhằm đáp ứng được yêu cầu học tập của người học.

Công tác tổ chức thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, công nhận tốt nghiệp của người học nghề đúng quy định, đảm bảo công bằng, khách quan.

Công tác tuyển sinh của trường thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ LĐTB-XH. Trường đã có những văn bản quy định cụ thể và tổ chức tư vấn học nghề hiệu quả đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng và có chất lượng.

❖ Những điểm mạnh:

- Hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng kế hoạch và có chất lượng. Phương thức đào tạo của trường đa dạng, đáp ứng được các yêu cầu của người học nghề.

- Trường đã thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao hiệu quả dạy và học.

- Trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh hàng năm, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan.

❖ Những tồn tại:

- Số lượng các doanh nghiệp được trường mời tham gia vào quá trình đào tạo chưa được nhiều và chủ yếu tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ tiếp tục tăng cường liên kết với nhiều doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực hoạt động và huy động doanh nghiệp tham gia vào nhiều lĩnh vực đang đào tạo tại trường.

- Cần đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giáo viên Nhà trường.

- Tiếp tục tăng cường việc giám sát chặt chẽ, bảo đảm thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch cơ sở đào tạo

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi được ghi rõ trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN và đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép hoạt động.

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi xây dựng quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng áp dụng cho các đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương dựa trên Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong Quy chế tuyển sinh

học nghề Nhà trường quy định cụ thể phương thức và tiêu chí, hình thức tuyển sinh. (2.1.01-Quy chế tuyển sinh năm 2019,2020,2021; 2.1.02-Quy trình tuyển sinh)

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh. Căn cứ vào thực tế hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp; Căn cứ Quyết định về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định giao chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với trường Cao đẳng Cao giới và Thủy lợi; Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thông báo tuyển sinh .v.v. (2.1.03-Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp &PTNT năm 2019,2020,2021; 2.1.04-Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2019,2020,2021; 2.1.05-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh; 2.1.06-Quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành/ngành đào tạo năm 2019,2020,2021; 2.1.07-Kế hoạch tuyển sinh năm 2019,2020,2021).

Trung tâm tư vấn tuyển sinh và hỗ trợ việc làm là đơn vị trực tiếp phụ trách công tác tuyển sinh. Trung tâm ra thông báo tuyển sinh và niêm yết công khai tại trường, các cơ sở liên kết, các phương tiện truyền thông và phát đến tận tay phụ huynh và học sinh (2.1.08-Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021; 2.1.09-Các tờ rơi tuyển sinh; 2.1.11- Trang web <http://vcmi.edu.vn>; 2.1.10-Họp đồng phát thanh, truyền hình)

Công tác tuyển sinh của Trường được tiến hành theo hình thức xét tuyển dựa trên các tiêu chí cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đầu vào của HSSV. Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại trường và báo cáo các cấp có thẩm quyền (2.1.11-Biên bản họp Hội đồng xét tuyển và danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021 ; 2.1.12-Báo cáo tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021).

Học sinh trúng tuyển nhận Giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện và nhập học theo thời gian quy định. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ họp để đánh giá, rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh. (2.1.13-Giấy báo nhập học; 2.1.14-Một số hình ảnh về ngày nhập học; 2.1.15- Quyết định mở lớp; 2.1.16-Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển; 2.1.17-Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh).

Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh diễn ra công khai, đối tượng tuyển sinh theo đúng quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng, khách quan. Năm 2019,

2020, 2021 kết quả tuyển sinh nghề Điện công nghiệp đều đạt trên 95% chỉ tiêu đề ra, cụ thể như sau:

Năm	Chỉ tiêu tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ	Ghi chú
2019	200	212	106%	
2020	200	191	95.5%	
2021	200	191	95.5%	

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo qui định

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã xác định hoạt động đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm. Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì kết hợp với Khoa Điện – Điện tử xây dựng kế hoạch đào tạo cho nghề Điện công nghiệp ngay từ đầu năm học. Kế hoạch đào tạo được xây dựng theo từng kỳ học và chi tiết cho từng modul/môn học.

(2.2.01-Tiến độ đào tạo năm 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022; 2.2.02- Thời khóa biểu năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022; 2.2.03-Kế hoạch sử dụng xưởng thực hành; 2.2.04-Kế hoạch sử dụng phòng học lý thuyết)

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo chung của Nhà trường, Khoa Điện – Điện tử lên kế hoạch, phân công giáo viên giảng dạy các mô đun, môn học phù hợp. Giáo viên sẽ căn cứ vào nội dung, thời lượng quy định trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp để thực hiện giảng dạy theo sự phân công và đúng quy định *(2.2.05-Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.2.06-Lịch trình giảng dạy; 2.2.07-Giáo án giảng dạy; 2.2.08- Sổ tay giáo viên; 2.2.09- Sổ lên lớp)*

Trong quá trình thực hiện, có thể vì lý do nào đó mà kế hoạch đào tạo phải thay đổi. Nhà trường luôn có văn bản thông báo điều chỉnh kịp thời để không ảnh hưởng đến tiến độ đào tạo. *(2.2.10- Thông báo về việc điều chỉnh thời gian học).*

Công tác kiểm tra và giám sát đào tạo cũng là vấn đề được lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Nhận rõ tầm quan trọng, Nhà trường xây dựng kế hoạch

thanh kiểm tra đào tạo, kế hoạch dự giờ để đảm bảo chất lượng đào tạo luôn được duy trì một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng giáo viên Nhà trường lên kế hoạch và tổ chức các buổi hội giảng, dự giờ. Đây chính là những buổi sinh hoạt chuyên môn hết sức bổ ích góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo (2.2.11- Kế hoạch dự giờ và kiểm tra quy chế đào tạo; 2.2.12- Biên bản dự giờ và kiểm tra quy chế đào tạo; 2.2.13- Kế hoạch hội giảng năm 2019, 2020, 2021; 2.2.14- Kết quả hội giảng năm 2019, 2020, 2021)

Để đào tạo chất lượng thì “học phải đi đôi với hành”, do đó nguyên vật liệu, vật tư thực tập luôn được Nhà trường chuẩn bị đầy đủ, kịp thời và đúng quy định (2.2.15- Dự trữ vật tư thực tập; 2.2.16- Hợp đồng cung cấp vật tư, nguyên vật liệu)

Cuối mỗi năm học, Nhà trường tiến hành tổng kết năm học đánh giá mọi hoạt động của trường, từ đó đề ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Các báo cáo công tác đào tạo, các biên bản thanh tra đào tạo và báo cáo thanh tra đào tạo đều khẳng định: Kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng, hiệu quả (2.2.17- Báo cáo tổng kết năm học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Nội dung chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, có đề cương chi tiết, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống; trong đó quy định rõ khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, tên modul/môn học, thời gian đào tạo (tỉ lệ phần lý thuyết, thực hành). Do đó để thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy với phương châm lấy người học là trung tâm; kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học.

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo chung của toàn trường, khoa Điện – Điện tử đã lập kế hoạch giáo viên và phân công giáo viên giảng dạy. Các giáo viên khi lên lớp giảng dạy phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy bao gồm: đề cương bài giảng, giáo án, giáo trình, sổ tay giáo viên...(2.2.01- Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo 2019, 2020, 2021; 2.2.05- Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021; 2.2.09 - Sổ lên lớp; 2.2.07 -Giáo án giảng dạy; 2.2.08 - Sổ tay giáo viên)

Trong các kì hội giảng hàng năm, giáo viên được khuyến khích sử dụng các phương pháp dạy học giúp phát triển tư duy sáng tạo của người học (2.3.01 - Kế hoạch hội giảng Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 2.3.02- Hồ sơ bài giảng; 2.3.03 - Phiếu đánh giá của Ban Giám khảo hội giảng cấp trường; 2.3.04- Video, hình ảnh các tiết dạy của giáo viên). Qua đó, giáo viên có cơ hội trao đổi kinh nghiệm, học tập và nâng cao nghiệp vụ sư phạm. Và nhiều giáo viên đã đạt thành tích cao trong các kì Hội giảng cấp Tỉnh và toàn quốc. Những giáo viên tiêu biểu này đã được Nhà trường tuyên dương và khen thưởng kịp thời (2.3.05 - Danh sách GV dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ, cấp toàn quốc; 2.3.06- Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp).

Để áp dụng phương pháp dạy học hiện đại Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị hiện đại hỗ trợ cho quá trình lên lớp. Một số phương pháp dạy học nhằm nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học nghề đang được giáo viên khoa Điện – Điện tử áp dụng như: phương pháp công não, ABC, phân nhóm, giảng dạy trên mô hình, làm đề tài, semina ... các phương pháp dạy học đó đã giúp học sinh chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Nhiều HSSV đã phát huy được tính sáng tạo, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi tay nghề các cấp. (2.3.07– Đề tài tốt nghiệp của sinh viên; 2.3.08 - Danh sách và quyết định khen thưởng HSSV tham gia các kỳ thi tay nghề giỏi các cấp)

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và hiệu quả của ứng dụng CNTT trong dạy học; Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã xây dựng, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong toàn trường và bước đầu thu được một số kết quả nhất định. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, các kỹ năng ứng dụng CNTT cho đội ngũ giáo viên và hầu hết giáo viên khoa Điện – Điện tử đều tham gia đầy đủ. (2.3.09-Quyết định (thông báo) mở lớp IC3, MOS; 2.3.10- Danh sách học viên lớp IC3, MOS; 2.3.11-Hợp đồng giảng dạy IC3, MOS)

Cùng với đó, công tác xây dựng cơ sở vật chất về công nghệ thông tin của khoa Điện – Điện tử đã được cải thiện đáng kể. Đến nay, Khoa Điện – Điện tử có 121 máy tính, có 06 máy chiếu projector, 02 máy in, 01 máy photo và một số phương tiện khác phục vụ cho hoạt động dạy và học. *(2.3.12-Hợp đồng mua sắm trang thiết bị chương trình mục tiêu quốc gia)*

Đến nay, 100% giáo viên nghề Điện công nghiệp có chứng chỉ Tin học cơ bản trở lên và đều soạn bài bằng máy vi tính; 100% giáo viên biết sử dụng kỹ thuật trình chiếu hỗ trợ giảng dạy, sử dụng các phần mềm dạy học như PowerPoint, Step 7 dùng cho PLC S7-300; Tia portal cho PLC 1200, 1500, KNX, Bộ điều khiển lập trình EASY của hãng MELLER, Logo; GX dùng cho PLC Mitshubishi; Wincc, Phần mềm mô phỏng thủy lực khí nén Festo Fluidsim...; 100% cán bộ giáo viên biết khai thác thông tin trên website làm giàu thêm vốn hiểu biết của mình. Năm 2022 được sự hỗ trợ của tổ chức Hợp tác quốc tế GIZ, trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã và đang thực hiện chuyển đổi số với 02 phần mềm: Phần mềm quản trị số và phần mềm LMS. *(2.3.13- Bài giảng điện tử; 2.3.14 -Phần mềm dạy học; 2.3.15- Phần mềm quản trị số; 2.3.16- Phần mềm LMS).*

Hàng năm, các hoạt động thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV được triển khai tích cực góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong trường. Thông qua đó nhà trường tổng kết đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo *(2.3.17- Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo 2019, 2020, 2021; 2.3.06- Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp; 2.3.18- Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị CBVC và người lao động năm 2019, 2020, 2021)*

Để đảm bảo thông tin có tính nhất quán và toàn vẹn dữ liệu, dữ liệu có thể được truy xuất theo nhiều cách khác nhau và nhiều người có thể sử dụng, nhà trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động đào tạo và quản lý chương trình đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu. Trong đó thể hiện rõ các thông tin cần thiết như kết quả học tập, thông tin HSSV...*(2.3.19 - Phần mềm quản lý đào tạo; 2.3.20 - Báo cáo sử dụng Phần mềm quản lý đào tạo)*

Để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh - sinh viên về chất lượng hoạt động dạy và học. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tổng hợp,

đánh giá kết quả và tổng hợp, đánh giá các đề xuất để điều chỉnh tiên độ, kế hoạch đào tạo...nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng dạy và học. (2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28 - Các Tờ trình, Quyết định liên quan đến chất lượng hoạt động dạy và học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo

Đào tạo kết hợp với doanh nghiệp là một trong những nội dung trọng tâm được Nhà trường quan tâm và triển khai có hiệu quả nhằm nâng chất lượng đào tạo, giúp HSSV được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế.

Nhà trường đã thực hiện hợp tác với các doanh nghiệp để đưa HSSV đến thực hành các mô đun nghề theo chương trình môn học, đặc biệt là các mô đun thực tập doanh nghiệp đối với HSSV năm cuối. Việc đào tạo tại doanh nghiệp trên được Nhà trường triển khai bằng các kế hoạch đào tạo, bằng các thỏa thuận/ hợp đồng tiếp nhận HSSV đến thực tập với nội dung cụ thể. Sau mỗi kỳ thực hành tại doanh nghiệp HSSV phải thực hiện báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp thực hiện đánh giá quá trình thực tập đối với cá nhân HSSV.

(2.4.01 - Hợp đồng tiếp nhận HSSV đến doanh nghiệp thực tập; 2.4.02- Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp; 2.4.03 - Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. 2.4.04- Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại các doanh nghiệp; 2.4.05 - Phiếu đánh giá quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp; 2.4.06 - Danh sách người học tốt nghiệp).

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo qui định

Căn cứ thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề (2.5.01- Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp).

Căn cứ Quyết định số 54/2008/QĐ-BLĐT BXH ngày 19 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên. (2.5.02- Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV).

Căn cứ thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 Của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể về quản lý văn bằng chứng chỉ. (2.5.03- Quy định về mẫu bằng Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng).

Công tác tổ chức thi và công nhận tốt nghiệp cho học sinh – sinh viên được thực hiện theo đúng nội quy, quy chế của Trường và những quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã hội đã ban hành. Việc tổ chức thi tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình: căn cứ vào kế hoạch đào tạo để lập kế hoạch thi tốt nghiệp và thông báo danh sách sinh viên được dự thi, ngày thi cụ thể. Ban Giám hiệu ra quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp trong đó bao gồm: Ban thư ký, Ban biên soạn đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi tốt nghiệp; Quá trình thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. (2.5.04- Kế hoạch thi tốt nghiệp; 2.5.05- Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020; 2021; 2.5.06 – Quyết định thành lập Ban Đề thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.5.07 – Quyết định thành lập Ban chấm thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.5.08 – Quyết định thành lập Ban coi thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.5.09 – Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.5.10- Kế hoạch phân công giáo viên coi thi tốt nghiệp năm 2019, 2020; 2021; 2.5.11- Biên bản phòng thi, xưởng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020; 2021; 2.5.12 - Kết quả thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021)

Sau khi có kết quả thi, Hội đồng thi tốt nghiệp sẽ họp để đánh giá tình hình, xét và quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện. Kết quả thi sẽ được công bố công khai trên bảng tin của trường, kết quả thi vẫn đáp được công bố cho học sinh ngay trong ngày thi. (2.5.13- Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp;

2.5.14- Quyết định công nhận tốt nghiệp; 2.5.15- Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học luôn được nhà trường coi trọng và triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng là đơn vị chịu trách nhiệm chính kết hợp cùng các đơn vị lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện (**2.6.01- Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.6.02- Phiếu dự giờ giảng; 1.3.09- Biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021; 2.6.03- Báo cáo công tác thanh, kiểm tra đào tạo).**

Đối với khoa Điện – Điện tử, thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ thông qua lịch giảng dạy và kế hoạch giáo viên. Trưởng khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về hoạt động của đơn vị mình. (**2.2.05- Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.2.06- Lịch trình giảng dạy; 2.2.07- Giáo án giảng dạy; 2.2.09- Sổ lên lớp; 2.2.08 - sổ tay giáo viên).**

Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội giảng để nâng cao chất lượng giảng dạy và phát động tinh thần thi đua trong toàn trường, qua đó giáo viên có cơ hội để trao đổi và học hỏi lẫn nhau và qua đó nhà trường cũng đánh giá được chất lượng đội ngũ giáo viên của mình (**2.6.04- Kế hoạch hội giảng giáo viên năm 2019, 2020, 2021; 2.3.06- Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp).**

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên được triển khai tích cực góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong trường. Thông qua đó nhà trường tổng kết đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo (**2.6.03- Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo; 2.6.05- Báo cáo tổng kết hội giảng giáo viên hàng năm; 2.6.06 - Báo cáo tổng kết năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021)**

Để nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh - sinh viên về chất lượng dạy và học. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả và tổng hợp, đánh giá các đề xuất để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo... nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng dạy và học (2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.6.07- Các văn bản, Quyết định liên quan đến chất lượng hoạt động dạy và học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

Căn cứ thông tư số 27/2017/TT- BLĐT BXH ngày 21/09 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ áp dụng tại Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi. Quy chế đào tạo liên thông của trường quy định phạm vi, đối tượng áp dụng, đối tượng và điều kiện học liên thông; Việc tổ chức và đào tạo liên thông; Nhiệm vụ, quyền hạn của trường và người học liên thông; Các chế độ báo cáo và xử lý vi phạm; trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá, báo cáo về công tác đào tạo liên thông... Quy chế đào tạo liên thông của trường đúng và đủ theo quy định (2.7.01- Quy chế đào tạo liên thông; 2.7.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNDKHĐ-TCGDNN, 2.7.03- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNDKHĐBS-TCGDNN)

Trên cơ sở quy chế đào tạo liên thông và thực tế hoạt động trường đã đề nghị và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm (2.7.04- Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2019, 2020, 2021).

Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo Liên thông nghề Điện công nghiệp; Tổ chức tuyển sinh, đào tạo và giám sát bảo chất lượng, hiệu quả (2.7.05-

Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông; 2.7.06- Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo liên thông; 2.7.07- Biên bản họp xét tuyển sinh và danh sách trúng tuyển Liên thông năm 2019, 2020, 2021; 2.1.08- Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; 2.7.08– Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển 2019, 2020, 2021; 2.7.09 – Quyết định mở các lớp liên thông 2019, 2020, 2021; 2.7.10- Kế hoạch đào tạo các lớp liên thông 2019, 2020, 2021; 2.5.04– Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp liên thông 2019, 2020, 2021; 2.7.11 - Quyết định công nhận tốt nghiệp cho HSSV hệ Liên thông Cao đẳng; 1.2.03 - Báo cáo tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021)

Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo liên thông được thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường, của Khoa. Kết quả thanh tra, kiểm tra được đánh giá thông qua các buổi họp hội đồng, họp giao ban, họp khoa và được thể hiện qua các báo cáo. (2.7.12- Các biên bản họp về đào tạo liên thông 2019, 2020, 2021; 2.7.13– Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông các năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Ban Giám hiệu trường có trình độ, năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, chủ động, tích cực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường, luôn đoàn kết, thống nhất và được đa số cán bộ giáo viên, công nhân viên Nhà trường tin tưởng, tín nhiệm cao.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý khoa Điện – Điện tử đạt chuẩn về trình độ và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác và giảng dạy tại trường. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ về số lượng, có năng lực phù hợp với yêu cầu từng vị trí công việc. Không những vậy, trường luôn có kế hoạch và biện pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn bộ cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho từng giai đoạn.

❖ Những điểm mạnh:

Khoa Điện – Điện tử có đội ngũ giáo viên đủ để phân công giảng dạy cho tất cả các môn học/modun cho 05 nghề đang đào tạo của Khoa. Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.

Đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Tỷ lệ giáo viên có khả năng giảng dạy được cả lý thuyết và thực hành cao, đạt trên mức quy định. Tất cả đều có tinh thần tự giác học hỏi nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Nhà trường có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh sinh viên thâm nhập thực tế.

Trưởng khoa, phó khoa Điện – Điện tử đều có trình độ, năng lực phẩm chất tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công tác quản lý và nhiệm vụ của Hiệu trưởng giao.

Trường đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều quy định, quy chế; Phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ và nhân viên,... thực hiện các chế độ chính sách cho CBVC một cách rõ ràng, công khai, bảo đảm sự công bằng và dân chủ .

Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giáo viên đi học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

❖ Những tồn tại và kế hoạch

- Xây dựng chính sách khuyến tài hợp lý để có thể tuyển dụng thêm giáo viên trình độ cao, có kinh nghiệm và giữ chân giáo viên giỏi tại Trường.
- Lập kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ cho cán bộ giáo viên.
- Cử cán bộ, giáo viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo qui định

Hiện nay, khoa Điện – Điện tử được giao nhiệm vụ đào tạo nghề Điện công nghiệp ở 03 cấp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trường liên tục thực hiện sàng lọc, tuyển mới và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. Trong đó nhà giáo tham gia giảng dạy các môn chuyên môn đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo GDNN theo quy định. 100% nhà giáo tham gia giảng dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông đạt chuẩn theo quy định tại thông tư 30/2009/TT-BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông. Ngoài ra đội ngũ giáo viên Khoa Điện – Điện tử còn được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế và được cấp chứng chỉ tương đương tiêu chuẩn quốc tế (3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Điện – Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 3.1.02- Hồ sơ quản lý giáo viên; 3.1.03 - Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng của Tổ chức GIZ; 3.1.04- Các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế).

Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy thông qua các phong trào Hội giảng, Thi chế tạo thiết bị đào tạo tự làm, Hội thi tay nghề các cấp. Chất lượng đội ngũ giáo viên được khẳng định thông qua các giải thưởng của rất nhiều kỳ thi giáo viên giỏi nghề cấp Tỉnh, cấp quốc gia, đặc biệt năm 2020 Nhà trường đăng cai Hội thi tay nghề cấp Bộ lần thứ IX và xuất sắc đạt giải Nhất toàn đoàn với 14 giải Nhất, 01 giải Ba. Trong đó nghề Điện công nghiệp có 03 học sinh tham dự và cả ba em đều đạt giải Nhất cuộc thi. 01 học sinh đạt giải ba, 01 học sinh đạt Chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc (Giải khuyến khích) tại kỳ thi kỹ năng nghề Quốc gia năm 2020; 01 học sinh được tuyển chọn vào đội tuyển quốc gia huấn luyện tham dự Kỳ thi tay nghề Thế giới được tổ chức tại Thượng Hải (Trung Quốc) trong thời gian tới. (3.1.05–

Bảng khen của giáo viên đạt được qua các kỳ thi, hội thi 2019, 2020, 2021; 3.1.06– Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021; 3.1.07– Phiếu tự đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo của Trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên Khoa Điện - Điện tử luôn chấp hành nghiêm túc chủ trương, Nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện đúng Luật viên chức và Quy chế làm việc của cơ quan, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Từ năm 2019 đến nay không có trường hợp nào vi phạm và bị xử lý kỷ luật. (3.2.01 - Báo cáo quản lý công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021; 3.2.02 - Báo cáo tổng hợp ABC hàng tháng của Khoa Điện – Điện tử)

Cuối năm, nhà trường đều tổ chức họp kiểm điểm đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Kết quả 100% nhà giáo Khoa Điện - Điện tử được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên nghề Điện công nghiệp năm; 3.1.02- Hồ sơ quản lý nhà giáo; 3.1.03– Bản tự đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2019, 2020, 2021.; 3.1.04 - Thông báo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2019, 2020, 2021)

Tập thể Khoa Điện - Điện tử nhiều năm liền được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tất cả cán bộ giáo viên của Khoa Điện - Điện tử được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nhiều nhà giáo được công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng (3.2.03 - Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 3.2.04 - Báo cáo tổng kết hoạt động của trường năm 2019, 2020, 2021; 3.2.05 - Các quyết định khen thưởng hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định

Khoa Điện - Điện tử có đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu của chương trình đào tạo (*3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021*).

Kế hoạch đào tạo hàng năm được nhà trường chuẩn bị kỹ càng đảm bảo không trùng lặp, dễ theo dõi kiểm tra và người học được đặt ở vị trí trung tâm. Khoa Điện - Điện tử căn cứ vào kế hoạch đào tạo để phân công, sắp xếp giáo viên phù hợp (*2.2.01- Kế hoạch và tiến độ đào tạo năm 2019, 2020, 2021; 2.2.02- Thời khóa biểu giảng dạy năm 2019, 2020, 2021; 2.2.03- Kế hoạch giáo viên Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 3.3.01- Danh sách HSSV nghề Điện công nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

Chế độ làm việc của nhà giáo được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ và được thực hiện nghiêm túc, minh bạch (*3.3.02- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; 3.3.03- Bảng thống kê giờ dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.3.04- Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

Tỷ lệ học sinh, sinh viên/ giáo viên, giảng viên của nghề Điện công nghiệp tối đa là 20 học sinh, sinh viên/ giáo viên, giảng viên đảm bảo quy định. Trong đó giảng viên cơ hữu đảm nhận ít nhất khoảng 86% khối lượng chương trình của nghề đào tạo. (*3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021; 3.3.05- Bảng thống kê tỷ lệ qui đổi người học/nhà giáo*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu nhà trường đã quan tâm và chỉ đạo kịp thời, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả. Cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu và có đề tài khoa học được Nhà trường hỗ trợ, cấp kinh phí tổ chức thực hiện khi đề tài được Hội đồng khoa học Nhà trường thông qua và được khen thưởng khi đạt giải các cấp. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến

kinh nghiệm trong đó có quy định quy trình thực hiện đề tài, sáng kiến và khen thưởng đề tài, sáng kiến. Nhà trường còn gắn việc nghiên cứu khoa học, có sáng kiến cải tiến hoặc áp dụng công nghệ mới là một trong những tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm (**3.3.02-** Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; **3.4.01-** Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cấp cơ sở; **3.4.02-** Quy chế thi đua khen thưởng).

Hưởng ứng phong trào nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ của nhà trường, cán bộ giáo viên khoa Điện - Điện tử đã nhiệt tình tham gia. Các đề tài của Khoa phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo, ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học; xây dựng các mô hình, thiết bị phục vụ để nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa được Hội đồng nghiên cứu khoa học của trường đánh giá cao và có tính thực tiễn. Hàng năm, trên 50% nhà giáo cơ hữu của Khoa dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các Hội thi nhà giáo dạy giỏi, Hội thi thiết bị tự làm các cấp. Cụ thể:

Một số các mô hình, thiết bị thực hành phục vụ cho giảng dạy nghề Điện công nghiệp:

(3.4.03- Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề; **3.4.04-** Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các Hội thi tay nghề giỏi, Hội thi thiết bị tự làm; **3.4.05-** Các đề tài nghiên cứu khoa học; **3.4.06-** Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH; **1.2.06 -** Quyết định khen thưởng, hình ảnh các Hội thi)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Hàng năm, phòng Tổ chức hành chính đều yêu cầu các đơn vị đề xuất nhu cầu học bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên trên cơ sở nhu cầu từ đơn vị đồng thời theo dự kiến của nhà trường, phòng tổ chức hành chính tổng hợp và xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý hàng năm (**3.5.01 -** Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên năm 2019, 2020, 2021). Để thực hiện kế hoạch hiệu quả, khi có lớp đào tạo, bồi dưỡng Nhà trường đều có quyết định cử cán bộ giáo viên học nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp từng giai đoạn, từng lớp theo năng lực các nhân (**3.5.02 -** Các quyết định cử cán bộ giáo viên học nâng cao trình độ

chuyên môn). Trong những năm qua, trường đã cử nhiều lượt giáo viên Khoa Điện – Điện tử tham gia học tập ở CHLB Đức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (**3.5.03** - *Các quyết định cử giáo viên đi học ở nước ngoài; 3.5.04* - *Hình ảnh về việc nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng hàng năm*).

Cuối mỗi năm, nhà trường đều có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Đội ngũ nhà giáo của Khoa đã thực hiện nghiêm túc và đạt kết quả cao trong các lớp học, khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy (**3.5.05** - *Báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; 3.5.06* - *Báo cáo kết thúc khóa học bồi dưỡng của giáo viên; chứng chỉ học tập bồi dưỡng của giáo viên*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo Khoa Điện - Điện tử lập kế hoạch, đề xuất nhà trường tổ chức cho giáo viên đi thăm quan, thực tập và quản lý quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Kết quả trong năm 2019 khoa có 100% nhà giáo chuyên ngành tham gia thực tập tại doanh nghiệp theo quy định. Năm 2020, 2021 do tình hình dịch bệnh Covid- 19 diễn ra phức tạp, kế hoạch đào tạo thay đổi, việc liên hệ thực tập tại các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của cán bộ, giáo viên và giúp đỡ từ các doanh nghiệp. Bằng nhiều hình thức khác nhau như trao đổi online, tiếp xúc trực tiếp tại doanh nghiệp.v.v. đa số nhà giáo cơ hữu của khoa Điện – Điện tử đã hoàn thành công tác thực tập tại doanh nghiệp theo quy định.(**3.4.04** - *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy chuyên ngành; 3.6.01* - *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại doanh nghiệp; 3.6.02*- *Hợp đồng/thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; 3.6.03*- *Kế hoạch / Quyết định cử giáo viên đi thực tập tại các doanh nghiệp; 3.6.04* - *Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên; 3.6.05* - *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo giáo viên năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Căn cứ vào tiêu chuẩn công chức viên chức và điều lệ hoạt động của trường cao đẳng nghề, cùng với việc dự báo về quy mô và mục tiêu phát triển lâu dài của trường, Đảng ủy – Ban giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm bồi dưỡng xem trọng công tác cán bộ. Cán bộ Khoa Điện - Điện tử có 03 người (01 trưởng khoa, 02 phó khoa) đều đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước. (3.7.01- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý khoa Điện – Điện tử; 3.7.02- Hồ sơ cán bộ khoa Điện – Điện tử).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do trường giao.

Cán bộ của Khoa Điện - Điện tử đều trưởng thành từ giáo viên và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ và được thử thách trong công việc thực tế, có năng lực, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được yêu cầu công tác được khẳng định qua kết quả đánh giá thi đua của cá nhân và tập thể cán bộ, giáo viên trong trường. (3.7.01- Danh sách trích ngang cán bộ quản khoa Điện – Điện tử; 3.8.01- Bản tự đánh giá cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021; 3.8.02- Báo cáo đánh giá cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021; 3.8.03- Biên bản họp thi đua khen thưởng hàng năm; 3.8.04- Bằng khen, giấy khen cán bộ quản lý; 2.2.17- Báo cáo tổng kết của trường năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Trường Cao đẳng CG& TL có đầy đủ các chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo đều theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học sau khi tốt nghiệp đạt được và có tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo. Giáo trình đào tạo nghề Điện công nghiệp cung cấp đầy đủ kiến thức và những yêu cầu về kỹ năng mà người học phải đạt được. Chương trình và giáo trình đào tạo của nghề được định kỳ rà soát, bổ

sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Chương trình đào tạo của nghề có đủ mô-đun, môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

❖ Những điểm mạnh:

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của trường và gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và các doanh nghiệp.

Trường có đủ các bộ giáo trình và tài liệu tham khảo cho tất cả các môn học chung, các môn cơ sở và các mô-đun có trong chương trình đào tạo của nghề.

❖ Những tồn tại:

- Nhà trường khuyến khích giáo viên biên soạn giáo trình nhưng công tác thẩm định còn nhiều hạn chế. Giáo trình biên soạn ở mức lưu hành nội bộ.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục rà soát, cập nhật để điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp.
- Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để điều chỉnh, bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường tiến hành xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp theo hướng dẫn của thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. *(4.1.01– Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình ; 4.1.02- Biên bản họp tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình; 4.1.03– Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04- Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.05- Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định; ; 4.1.06 – Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo; 4.1.07 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Để xây dựng được bộ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp có cấu trúc hợp lý, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, ngoài sự tham gia chủ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên trong Khoa, nhà trường đã mời giáo viên từ các đơn vị khác trên địa bàn và đại diện của doanh nghiệp tương ứng trực tiếp tham gia xây dựng, đồng thời gửi phiếu khảo sát doanh nghiệp về chương trình. Qua đó Hội đồng biên soạn chương trình tiến hành chỉnh sửa hoàn thiện bộ chương trình, trình hiệu trưởng ban hành và áp dụng vào đào tạo.

Danh sách cán bộ kỹ thuật và giáo viên ngoài trường tham gia xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp:

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Hiếu	Công ty BIBICA- KCN Biên Hòa 1
2	Phạm Thế Ngọc	Công ty PNJ Indochia
3	Trương Đình Thuận	Công ty YUPOONG Việt Nam
4	Trần Ngọc Lam	Công ty hữu hạn Công nghiệp Broad Bright

(4.2.01– Quyết định thành lập Hội đồng Biên soạn, điều chỉnh chương trình năm 2020; 4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2020; 4.1.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.05 - Phiếu đánh giá chung trình của các thành viên Hội đồng thẩm định chương trình; 4.1.02 - Biên bản họp tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình; 4.1.07 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo; 4.2.02 - Giấy mời các chuyên gia và giáo viên ngoài trường; 4.2.03 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ kỹ thuật tham gia xây dựng và thẩm định chương trình)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của trường xây dựng và nghiệm thu đưa vào sử dụng đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng. Mục tiêu đào tạo thể hiện rõ những mức độ kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp người học cần đạt được. Mặt khác còn quy định yêu cầu về tác phong công nghiệp và thái độ nghề nghiệp cần có nhằm trang bị cho người học tay nghề thành thạo và kiến thức

sống phù hợp với xã hội. Cấu trúc chương trình hợp lý được thiết kế trên cơ sở thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp thể hiện rõ:

+ Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 43
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 153 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 471 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 3155 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 1080 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2389 giờ; Kiểm tra: 157 giờ.

+ Năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp:

- * Kiến thức:
 - Trình bày được những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;
 - Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện và vật liệu điện;
 - Trình bày được các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
 - Nêu các khái niệm, định luật, định lý cơ bản trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha;
 - Phân tích được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
 - Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy điện;
 - Trình bày được các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
 - Trình bày được các khái niệm về các tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
 - Trình bày được phương pháp tính toán các thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
 - Phân tích được sơ đồ nguyên lý hệ thống điện của các máy công cụ như máy tiện, máy phay, máy khoan, máy bào và các máy sản xuất như băng tải, cầu

trục, thang máy, lò điện...;

- Phân tích được nguyên lý của các loại cảm biến; các mạch điện cảm biến;

- Trình bày được nguyên lý của hệ thống cung cấp truyền tải điện;

- Nhận dạng được các thiết bị điện cơ trong hệ truyền động điện;

- Trình bày được nguyên tắc và phương pháp điều khiển tốc độ của hệ truyền động điện;

- Phân tích được cấu tạo, nguyên lý của một số thiết bị điển hình như soft stater, inverter, các bộ biến đổi;

- Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện thụ động;

- Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện bán dẫn, các cách mắc linh kiện trong mạch điện, cách xác định thông số kỹ thuật của linh kiện;

- Trình bày được cấu tạo một số mạch điện tử đơn giản ứng dụng linh kiện điện tử và nguyên lý hoạt động của chúng;

- Mô tả được cách sử dụng các thiết bị đo, các thiết bị hàn;

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các linh kiện điện tử công suất;

- Trình bày được các qui trình trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC của các hãng khác nhau;

- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý làm việc của các hệ thống điều khiển giám sát SCADA (Supervision Control And Data Acquisition) trong công nghiệp;

- So sánh được ưu nhược điểm của bộ điều khiển PLC với các hệ thống;

- Mô tả được cấu trúc các phần chính của hệ thống điều khiển: ngôn ngữ, liên kết, định thời của các loại PLC khác nhau;

- Phân tích được nguyên lý, cấu tạo của hệ thống điều khiển điện khí nén;

- Trình bày được khái niệm, vai trò và phân loại mạng truyền thông công nghiệp;

- Trình bày được nội dung cơ bản trong cơ sở kỹ thuật truyền thông: Chế độ truyền tải, cấu trúc mạng, kiến trúc giao thức, truy nhập bus, bảo toàn dữ liệu, mã hóa bit, kỹ thuật truyền dẫn;

- Trình bày được các thành phần cơ bản của hệ thống mạng;

- Trình bày được các đặc điểm cấu trúc cơ bản của một số hệ thống bus tiêu biểu: Profibus, CAN, Modbus, Interbus, AS-i, Ethernet;

- Phân tích được các loại bản vẽ thiết kế, lắp đặt của các hệ thống điện;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

* Kỹ năng:

- Đọc được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;

- Tính toán được thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;

- Lắp đặt thành thạo các hệ thống để bảo vệ an toàn trong công nghiệp và dân dụng;

- Nhận dạng, lựa chọn và sử dụng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;

- Tổ chức thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và sơ, cấp cứu được người bị điện giật đúng phương pháp;

- Xác định và phân loại được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;

- Tính chọn được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;

- Tháo lắp được các loại vật liệu điện, khí cụ điện;

- Đo được các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;

- Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha ở trạng thái xác lập và quá độ;

- Vẽ và phân tích được sơ đồ dây quấn stato của động cơ không đồng bộ một pha, ba pha;

- Tính toán, quấn lại được động cơ một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;

- Tính toán thông số, quấn được dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
- Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được máy điện theo yêu cầu;
- Tháo lắp và sửa chữa được các khí cụ điện đúng theo thông số của nhà sản xuất;
- Xác định và sửa chữa được các hư hỏng của thiết bị điện gia dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất;
- Lắp đặt được hệ thống chiếu sáng cho hộ gia đình theo bản vẽ thiết kế;
- Xây dựng và kiểm soát được hệ thống quy trình ISO trong công xưởng hoặc nhà máy;
- Lắp đặt, sửa chữa được các mạch mở máy, dừng máy cho động cơ 3 pha, 1 pha, động cơ một chiều;
- Lắp ráp được các mạch bảo vệ và tín hiệu;
- Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điện máy cắt gọt kim loại như: mạch điện máy khoan, máy tiện, phay, bào, mài...và các máy sản xuất như cầu trục, thang máy, lò điện...;
- Lắp ráp, cài đặt được các mạch điện cảm biến;
- Sửa chữa, thay thế được các mạch điện cảm biến;
- Tính, chọn được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy;
- Tính, chọn được nối đất và chống sét cho đường dây tải điện và các công trình phù hợp với điều kiện làm việc theo TCVN và Tiêu chuẩn IEC về điện;
- Lắp đặt được đường dây cung cấp điện cho một tòa nhà, phân xưởng phù hợp với yêu cầu và đạt tiêu chuẩn;
- Tính, chọn được động cơ điện phù hợp cho một hệ truyền động điện không điều chỉnh và có điều chỉnh;
- Xác định được các linh kiện trên sơ đồ mạch điện và thực tế. Vẽ, phân tích các sơ đồ mạch điện cơ bản ứng dụng linh kiện điện tử;
- Sử dụng thành thạo các thiết bị đo để đo, kiểm tra các linh kiện điện tử, các

thành phần của mạch điện, các tham số của mạch điện;

- Hàn và tháo lắp thành thạo các mạch điện tử;
 - Kiểm tra được chất lượng các linh kiện điện tử công suất trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất cơ bản;
 - Kết nối thành thạo PLC với PC và với các thiết bị ngoại vi;
 - Viết chương trình cho các loại PLC khác nhau đạt yêu cầu kỹ thuật;
 - Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điều khiển điện khí nén trong công nghiệp như dây truyền phân loại sản phẩm, hệ thống nâng hạ...;
 - Vận hành được mạch theo nguyên tắc, theo qui trình đã định;
 - Lập được kế hoạch bảo trì hợp lý, đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp;
 - Thiết kế được các ứng dụng SCADA trong các hệ thống điều khiển công nghiệp;
 - Lập trình điều khiển giám sát được các hệ thống điều khiển trong công nghiệp;
 - Tháo, lắp được bộ cảm biến và bộ phận/phần tử trong hệ thống tự động hóa, thay thế và hiệu chỉnh các phần tử;
 - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- * Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; tinh thần trách nhiệm cao;
 - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
 - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
 - Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

(4.3.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.3.02 – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng)

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của người học, của doanh nghiệp sử dụng lao động, của nhà giáo về khối lượng kiến thức, về phân bổ lý thuyết/thực hành, về năng lực cần đạt được của người học... để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo (*4.3.03- Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.304 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.3.05 - Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.306 - Báo cáo kết quả khảo sát HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 1.1.08 Báo cáo Khảo sát doanh nghiệp)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo Quyết định số 547^a/QĐ-CG&TL ngày 11/08/2020, trong đó thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học phù hợp với logic nhận thức, logic sư phạm để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được bố trí giảng dạy trong 06 học kỳ. Số lượng môn học, mô-đun: 43; Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 153 tín chỉ; Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 471 giờ; Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: 3155 giờ. Như vậy khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 3.626 giờ, trong đó lý thuyết là 1.080 giờ chiếm 30% ;thực hành, thực tập, đồ án 2.546 giờ chiếm 70%. (*4.3.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.3.02 – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng)*

Như vậy, chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp có cấu trúc hợp lý, phân bổ thời gian và trình tự thực hiện các mô-đun, môn học phù hợp đáp ứng nhu

cầu của thị trường lao động và mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. (4.3.03- Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.304 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.3.05 - Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.306 - Báo cáo kết quả khảo sát HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 1.1.08 Báo cáo Khảo sát doanh nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, Nhà trường đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động nhằm chuẩn bị về cơ sở vật chất, chuẩn bị về đội ngũ giáo viên để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo 547^a/QĐ-CG&TL ngày 11/08/2020, trong đó thể hiện rõ những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, về năng lực đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng. Cụ thể trong từng chương trình mô đun, môn học của Chương trình đào tạo thể hiện điều kiện thực hiện môn học về phòng học, nhà xưởng, phòng học chuyên môn; trang thiết bị, máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; yêu cầu đối với nhà giáo giảng dạy mô đun, môn học. Như vậy, chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện để đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo một cách hiệu quả (4.3.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.3.02 – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; (4.3.03- Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.304 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.3.05 - Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 4.306 - Báo cáo kết quả khảo sát HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo; 1.1.08 Báo cáo Khảo sát doanh nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo 547^a/QĐ-CG&TL ngày 11/08/2020, trong đó hướng dẫn cụ thể thời gian, phương pháp đánh giá, hình thức tổ chức thi/kiểm tra hết modul/môn học, thi tốt nghiệp; xác định yêu cầu về năng lực về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học.

Tại mục V: “Phương pháp và Nội dung đánh giá” trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đã quy định về cách thức đánh giá kết quả học tập của HSSV.

Tại mục VI: “Hướng dẫn thực hiện môn học, modul” trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp có hướng dẫn cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập của HSSV. (4.3.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.3.02 – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng;

Tùy theo đặc thù từng môn học/ môđun, các phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau được áp dụng, việc thực hiện cách thức đánh giá kết quả học tập của HSSV được thực hiện theo quy trình cụ thể (4.6.01 - Quy trình đánh giá kết quả học tập; 4.6.02- Quy chế đào tạo)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Nghề Điện công nghiệp của trường là một ngành nghề truyền thống, là thế mạnh của trường, đã tạo được uy tín và lòng tin với giới sử dụng lao động. Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, thị trường lao động. Nhà trường, Khoa Điện - Điện tử đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp và các nhà giáo có uy tín. Bên cạnh đó

Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh, giảng viên... về chất lượng chương trình đào tạo qua các hình thức như gửi thư ngỏ, lấy phiếu khảo sát, phỏng vấn... Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, cựu HSSV và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát được đánh giá là chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động (**4.3.01** – *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng*; **4.3.02** – *Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng*; **2.3.17** *Kế hoạch khảo sát ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo*. **4.7.01** - *Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021*, **4.7.02** - *Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021*; **4.7.03** - *Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021*; **4.7.04**- *Báo cáo Kết quả Khảo sát doanh nghiệp năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg, ngày 31/5/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng theo hướng liên thông đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở bổ sung các kỹ năng và kiến thức còn thiếu. Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng, đại học nhằm đảm bảo cho người học có cơ hội học tập tiếp, nâng cao trình độ tay nghề.

Do đó khi học người học có thể liên thông một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo. Khi liên thông dọc từ bậc CNKT hay sơ cấp lên trung cấp và cao đẳng cùng nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số mô đun, môn học nâng cao. Còn đối với trường hợp liên thông ngang, người học muốn chuyển sang một nghề khác cùng cấp trình độ thì được miễn các môn học, mô đun đã học (**4.8.01** – *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (trình độ sơ cấp)*; **4.8.02** – *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (trình độ trung cấp)*; **4.3.01** – *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp*

(trình độ cao đẳng); **4.8.03** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp; **4.8.04** – Các bộ chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp; **4.8.05** - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo liên thông; **4.8.06** - Biên bản hội thảo, xây dựng, điều chỉnh chương trình liên thông)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Căn cứ Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo 547^a/QĐ-CG&TL ngày 11/08/2020, Khoa Điện - Điện tử đã tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình giảng dạy nội bộ nghề Điện công nghiệp bao gồm 43 đầu giáo trình cho 43 mô đun/môn học trong chương trình đào tạo, cụ thể:

STT	Môn học/Modun	Số môn học/modun	Số giáo trình đã có
1	Các môn học chung	07	07
2	Môn học, modun cơ sở	10	10
3	Môn học, modun chuyên môn	26	26
Cộng		43	43

Tất cả các mô đun/môn học đều có giáo trình giảng dạy được biên soạn công phu và rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó còn giới thiệu danh mục tài liệu tham khảo để người học tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức liên quan đến nội dung mô đun/môn học. (**4.3.01** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; **4.3.02** – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; **4.9.01** – Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp; **4.9.02** – Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

100% giáo trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của trường được biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (**4.9.01** – *Bảng kê danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp*; **4.9.02** – *Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp*)

Để đảm bảo yêu cầu đổi mới giáo trình về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo. Vì vậy khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. Giáo trình được hoàn thiện và đổi mới, chất lượng giáo trình được nâng cao và cập nhật được công nghệ kỹ thuật mới. (**4.10.01** - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2017 và CTĐT chi tiết kèm theo*; **4.3.01** - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2020 và CTĐT chi tiết kèm theo*; **4.10.02** - *Danh mục giáo trình đào tạo năm 2017*; **4.9.01** - *Danh mục giáo trình đào tạo năm 2020*)

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về công tác tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; tổ chức phản biện, nghiệm thu giáo trình. (**4.10.03** - *Quy trình biên soạn, bổ sung, chỉnh sửa giáo trình đào tạo*; **4.10.04** - *Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa giáo trình 2017, 2020*; **4.10.05** - *Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn, điều chỉnh giáo trình năm 2017, 2020*).

Các giáo trình đang được sử dụng đều được Hội đồng thẩm định cấp trường tổ chức xem xét đánh giá, thẩm định theo trình tự, thủ tục có biên bản họp, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng, văn bản phản biện; Hội đồng tiến hành nghiệm thu, trình Hiệu trưởng ký Quyết định lưu hành nội bộ (**4.10.06** - *Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo*; *Biên bản nghiệm thu giáo trình*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Hiện nay, 43 cuốn giáo trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đã được Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá, cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng modun, môn học trong chương trình đào tạo. Mỗi chương, bài của giáo trình có đủ kiến thức cốt lõi, kiến thức mở rộng; có câu hỏi, bài tập; có danh mục tài liệu tham khảo; đảm bảo phù hợp với trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (4.3.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.3.02 – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.9.01 – Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp; 4.11.01 - Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình; 4.10.06 - Biên bản họp thẩm định các bộ giáo trình; Biên bản nghiệm thu giáo trình; 4.11.02 - Quyết định ban hành và áp dụng giáo trình)

Nhà trường định kỳ lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học về chất lượng giáo trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình đào tạo, kết quả như sau:

Năm 2019: Khảo sát 25 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức độ tốt, trên 95%; Khảo sát 114 HSSV, tỷ lệ HSSV đánh giá ở mức độ tốt, trên 96.4 %;

Năm 2020: Khảo sát 35 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức độ tốt, trên 92.86%; Khảo sát 113 HSSV, tỷ lệ HSSV đánh giá ở mức độ tốt, trên 95.6%;

Năm 2021: Khảo sát 31 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức độ tốt, trên 97.98%; Khảo sát 106 HSSV, tỷ lệ HSSV đánh giá ở mức độ tốt, trên 96.2%;

Điều đó cho thấy cho thấy giáo trình nghề Điện công nghiệp được biên soạn phù hợp với các yêu cầu về nội dung, hình thức và cấu trúc của chương trình đào tạo, phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu dạy và học của nhà trường. (4.11.03 – Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến về chất lượng giáo trình; 4.11.04 - Phiếu khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng giáo trình; 4.11.05 - Phiếu khảo sát ý kiến HSSV về chất lượng giáo trình ; 4.11.06 – Bảng tổng hợp kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng giáo trình; 4.11.07 – Bảng tổng hợp kết quả khảo sát HSSV về chất lượng giáo trình).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Giáo trình nghề Điện công nghiệp là tài liệu giảng dạy góp phần quan trọng vào công tác giảng dạy và quyết định đến chất lượng đào tạo. Trong quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo nghề Điện công nghiệp nhà trường luôn nhận được sự đóng góp ý kiến từ đại diện các đơn vị sử dụng lao động, từ các chuyên gia lành nghề, từ cựu HSSV... và đặc biệt quan tâm đến tính thực tiễn kịp thời cập nhật những công nghệ mới trong sản xuất để nâng cao chất lượng giáo trình.

(4.3.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.3.02 – Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 4.9.01 – Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp; 4.10.06– Biên bản họp Hội đồng thẩm định; Biên bản nghiệm thu giáo trình; 4.11.04- Phiếu khảo sát ý kiến giáo viên về chất lượng giáo trình; 4.12.01- Phiếu khảo sát Cơ sở sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình; 4.12.02- Phiếu khảo sát HSSV đã tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình; 4.11.03– Bảng tổng hợp kết quả khảo sát giáo viên về chất lượng giáo trình; 4.12.03– Bảng tổng hợp kết quả khảo sát Cơ sở sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình; 4.12.04 - Bảng tổng hợp kết quả khảo sát HSSV về mức độ phù hợp của giáo trình)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Tổng cục GDNN.

Nhà trường có Quy hoạch tổng thể hợp lý, phù hợp với công năng sử dụng và môi trường sư phạm. Nhà trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Nhà trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Trang thiết bị đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo quy định. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Trang thiết bị có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường.

Nhà trường có hệ thống thư viện, thư viện điện tử, có hệ thống internet băng thông rộng đáp ứng nhu cầu tra cứu truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

❖ **Những điểm mạnh:**

- Vị trí của trường phù hợp với quy hoạch của tỉnh Đồng Nai và mạng lưới các cơ sở GDNN; thuận tiện cho việc đi lại và học tập của người học.

- Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng và các yêu cầu kiến trúc, cảnh quan sư phạm, đảm bảo khoảng cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên trường.

- Cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện hoạt động, đáp ứng quy mô đào tạo theo các nghề, trình độ đào tạo.

- Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là trường chất lượng cao, được Chính phủ Đức đầu tư xây dựng thành Trung tâm đào tạo nghề xanh chất lượng cao theo Quyết định số 206/QĐ – TTg ngày 15/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ, được cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) lựa chọn thực hiện Dự án “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam” nhằm đầu tư trường trở thành trường cao đẳng tương đương với các trường cao đẳng kỹ thuật Nhật Bản theo Quyết định 1432/QĐ-TTg ngày 21/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó Trường được Aus4Skills (Chương trình Úc cùng Việt Nam phát triển) lựa chọn hỗ trợ triển khai xây dựng, đào tạo trong lĩnh vực Logistics theo tiêu chuẩn Úc với các nghề thuộc lĩnh vực Logistics như Xếp dỡ cơ giới tổng hợp; Quản lý kho hàng.

❖ **Những tồn tại:**

- Thiết bị nghề Điện công nghiệp đòi hỏi kinh phí lớn do đó Nhà trường mới chỉ đầu tư được với số lượng nhất định.

❖ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Kế hoạch từ nay đến năm 2023, trường thực hiện quy hoạch mặt bằng tổng thể, tiếp tục đầu tư phát triển, bổ sung thêm thiết bị thực hành hiện đại. Đặc biệt tập trung cho 06 nghề trọng điểm trong đó có nghề Điện công nghiệp đã được Bộ và Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp hệ thống phòng học, xưởng thực tập, văn phòng khoa đồng bộ, hiện đại để đạt chuẩn nghề trọng điểm của trường chất lượng cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Qua các giai đoạn nâng cấp, nhà trường đã có hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đáp ứng quy mô đào tạo và trình độ đào tạo của nghề Điện công nghiệp. Các công trình đều bảo đảm quy chuẩn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật. Các yếu tố như an toàn, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông gió... được bố trí hợp lý và đúng quy chuẩn.

Hệ thống khu phòng học lý thuyết và khu thực hành được bố trí riêng biệt, độc lập, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa các khu vực học tập, đảm bảo mọi hoạt động đào tạo của Nhà trường. Hệ thống các phòng học lý thuyết thoáng mát, rộng rãi, thông gió tốt, đảm bảo được nguồn ánh sáng và nguồn gió tự nhiên. Các xưởng thực hành được bố trí các cửa sổ hợp lý kết hợp với hệ thống quạt đảm bảo thông thoáng; hệ thống đèn chiếu sáng kết hợp với ánh sáng tự nhiên đảm bảo ánh sáng phù hợp để HSSV thực hành. Các xưởng được bố trí trang thiết bị hợp lý, đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Cụ thể như sau:

- Phòng học lý thuyết: học theo kế hoạch chung của trường. Các phòng học có diện tích từ 60 m² trở lên.
- Hệ thống xưởng thực hành của khoa Điện – Điện tử gồm 31 xưởng; tại 02 cơ sở
 - + Cơ sở Hồ Nai 3: 22 xưởng với diện tích 72 m²/xưởng trở lên.
 - + Cơ sở Thiện Tân: 09 xưởng với diện tích 135 m²/xưởng trở lên.

Để đảm bảo đúng quy định và quyền lợi của HSSV, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, thực hiện học tập 02 buổi/ngày với 01 ca thực tập là 18 HSSV, lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV để đảm bảo khối lượng kiến thức cũng như hình thành kỹ năng cho HSSV. Như vậy với lưu lượng sinh viên học nghề điện công nghiệp hiện nay là khoảng 550 HSSV/năm thì hệ thống các phòng học xưởng thực hành của khoa Điện – Điện tử đáp ứng được nhu cầu đào tạo.

(5.1.01 - Hồ sơ hoàn công; 5.1.02 - Hình ảnh các khu nhà học, xưởng thực hành; 5.1.03 - Bảng thống kê số lượng, diện tích phòng học, xưởng thực hành)

Bên cạnh đó, nhà trường còn chú trọng đầu tư các trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề điện công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng học tập, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (*501.04 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử*)

Hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ công ty điện lực Đồng Nai nên luôn đảm bảo nhu cầu sử dụng. Các phòng làm việc, phòng học, xưởng thực hành...được trang bị đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, điện cho vận hành máy móc thiết bị... đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Ngoài ra nhà trường còn có máy phát điện dự phòng với công suất 300 KVA để đảm bảo cho hoạt động của nhà trường khi mất điện (**5.1.05** - *Hợp đồng cung cấp điện; Hóa đơn thanh toán tiền điện; Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; 5.1.06* - *Báo cáo tình hình cung cấp điện và nước sinh hoạt năm 2019, 2020, 2021; 5.1.07* - *Bản vẽ hệ thống điện*)

Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt của nhà trường được cung cấp từ Nhà máy nước Thiện Tân nên đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước và đảm bảo nhu cầu sử dụng của nhà trường đáp ứng đủ các yêu cầu hoạt động của trường. Ngoài ra nhà trường còn có bể ngầm với dung tích 600 m³ và 02 bơm dự phòng để cung cấp nước cho toàn bộ nhà trường khi mất nước (**5.1.08** - *Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt; Hóa đơn thanh toán tiền nước; 5.1.09* - *Báo cáo tình hình cung cấp điện và nước sinh hoạt năm 2019, 2020, 2021; Bản vẽ hệ thống cung cấp nước sinh hoạt*)

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại trường được lắp đặt đầy đủ. Các công cụ, thiết bị hỗ trợ được trang bị đầy đủ, đúng theo quy chuẩn. Hàng năm, hệ thống PCCC toàn trường được công an PCCC giám sát, kiểm tra định kỳ và được đánh giá đảm bảo yêu cầu (**5.1.10** - *Biên bản kiểm tra của cơ quan PCCC hàng năm*). Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập lực lượng PCCC tại chỗ và đề ra phương án PCCC theo hướng dẫn của cơ quan PCCC (**5.1.11**- *Quyết định thành lập đội PCCC; 5.1.12* - *Các phương án chữa cháy*).

Các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành được bố trí trang thiết bị hợp lý, đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị phù hợp với chức năng của ngành nghề đào tạo (**5.1.13** – *Danh mục thiết bị cho phòng/xưởng; 5.1.14* - *Sơ đồ bố trí sắp xếp thiết bị phòng/xưởng*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá từ người học, từ giảng viên... về chất lượng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy cơ sở vật chất; phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo (**2.3.21**- *Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22*- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23*- *Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24*- *Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020,*

2021; 2.3.25- *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.26- *Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021*. 2.3.27- *Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.28- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Việc đầu tư thiết bị, công nghệ mang tính hiện đại luôn được sự quan tâm của lãnh đạo và tập thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên Nhà trường. Đặc biệt, từ năm 2019 đến nay nhà trường đã được Nhà nước đầu tư cho 06 nghề trọng điểm: Nghề Cắt gọt kim loại, nghề Công nghệ ô tô, nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Vận hành máy thi công nền, Xếp dỡ cơ giới tổng hợp; 02 nghề chuyên giao từ CHLB Đức. Đối với nghề Điện công nghiệp nhà trường đã trang bị được các thiết bị đào tạo chính hiện đại đạt mức tương đương trình độ công nghệ sản xuất - dịch vụ hiện hành, tất cả máy móc, thiết bị đều có chỉ dẫn về vận hành, công năng sử dụng, các thông số kỹ thuật và mỹ thuật, các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động... (5.2.01 - *Sổ quản lý TSCĐ năm 2019, 2020, 2021*; 5.2.02 - *Hợp đồng mua sắm trang thiết bị năm 2019, 2020, 2021*; 5.2.03 - *Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử*)

Ngoài ra, với sự giúp đỡ của tổ chức Hợp tác quốc tế GIZ, Khoa Điện - Điện tử đã được hỗ trợ nhiều trang thiết bị hiện đại như hệ thống máy tính thế hệ mới, hệ thống bàn/công cụ thực tập... đều được nhập khẩu từ CHLB Đức (5.2.04 - *Hồ sơ đầu tư thiết bị từ GIZ*; 5.2.05 - *Danh mục thiết bị được đầu tư từ GIZ*; một số hình ảnh về thiết bị được đầu tư từ GIZ).

Số lượng máy móc thiết bị đều phù hợp với quy mô đào tạo nghề Điện công nghiệp. HSSV thực hành tại các xưởng được chia nhóm thực tập đảm bảo số lượng từ 15-18 HSSV/1 nhóm. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị đảm bảo 1 – 5 HSSV /thiết bị chính. Các thiết bị, dụng cụ thực hành đều đảm bảo cho việc thực hành của người học phù hợp với ngành nghề đào tạo và phương pháp tổ chức lớp học hiện tại trong trường. (5.2.06 - *Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu*; 5.2.07 - *Danh mục dạy nghề tối thiểu*; 5.2.08 - *Biên bản kiểm kê hàng năm*; 5.2.09 - *Thống kê số lượng người học từng nghề hàng năm*; 5.2.10 -

Số lên lớp/Danh sách người học tại mỗi lớp Lý thuyết và từng lớp thực hành, Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Nhận thức được tầm quan trọng của trang thiết bị máy móc tới việc luyện tập hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV, nhà trường đã ưu tiên đầu tư cho các nghề trọng điểm quốc gia trong đó có nghề Điện công nghiệp. Số lượng thiết bị, máy móc đều phù hợp quy mô đào tạo. HSSV học lý thuyết theo lớp, học thực hành theo nhóm đảm bảo số lượng từ 15 - 20 HSSV/1 nhóm. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị đảm bảo 1 – 5 HSSV /thiết bị chính. Các thiết bị, dụng cụ thực hành đều đảm bảo cho việc thực hành của người học phù hợp với từng ngành nghề đào tạo và phương pháp tổ chức lớp học hiện tại trong trường.

Ngoài ra, nhà trường phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đưa HSSV đi thực tập kết hợp đào tạo tại các doanh nghiệp để HSSV tiếp cận thực tế sản xuất.

Như vậy với qui mô trên 550 HSSV/năm, nghề Điện công nghiệp đảm bảo đủ số lượng trang thiết bị bị máy móc phục vụ đào tạo.

(5.2.03 - Danh mục các thiết bị đào tạo; 5.3.01- Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; 5.2.01 - Sổ quản lý TSCĐ năm 2019, 2020, 2021; 2.2.02 - Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 5.3.02 - Kế hoạch thực tập doanh nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá từ người học, từ giảng viên... về trang thiết bị phục vụ đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy trang thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp đáp ứng yêu cầu đào tạo *(2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Các trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm được các khoa bố trí hợp lý theo từng chủng loại, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Việc bố trí hợp lý các trang thiết bị trong xưởng thực hành đã mang lại hiệu quả đáng kể tiết kiệm thời gian vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị và đi lại của giáo viên, học sinh. Do được thiết kế xây dựng hợp lý, quản lý tốt nên hoạt động tại các xưởng thực hành luôn đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. (5.1.14- Sơ đồ bố trí trang thiết bị trong các xưởng thực hành; 5.1.02 - Hình ảnh chụp các xưởng; 5.4.01- Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, quản lý trang thiết bị; 5.4.02 - Nội quy xưởng thực hành; 5.4.03 - Báo cáo kiểm tra hoạt động xưởng; 5.4.04 - Báo cáo công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm; 5.4.05- Biên bản kiểm tra hoạt động xưởng thực hành).

Qua hồ sơ quản lý thiết bị cho thấy tất cả các máy móc, thiết bị, dụng cụ đều có hồ sơ đầy đủ thể hiện nguồn gốc xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng. Thiết bị được giao cho Khoa Điện – Điện tử quản lý và kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng hàng năm (5.4.06 - Sổ quản lý TSCĐ năm 2019, 2020, 2021)

Hàng năm, Khoa lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; tiến hành bảo trì bảo dưỡng và báo cáo về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thực hành. Đối với những hư hỏng mà Khoa không tự khắc phục được, khoa phối hợp với phòng Tổ chức hành chính thực hiện kiểm tra và đề xuất phương án sửa chữa. Đối với các thiết bị tin học, nhà trường ký hợp đồng với Khoa Công nghệ thông tin để thực hiện bảo trì sửa chữa. Công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị được duy trì thường xuyên theo kế hoạch và quy định góp phần tăng tuổi thọ của thiết bị và khai thác được tối đa công suất của thiết bị. Căn cứ tình hình sử dụng và kết quả kiểm kê tài sản, nhà trường tiến hành thanh lý những thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu và lập kế hoạch bổ sung trang thiết bị (5.2.03 - Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện – Điện tử; 5.4.07 - Quyết định ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, Kế hoạch lịch trình bảo trì bảo dưỡng thiết bị; 5.4.08 - Quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất; 5.4.09 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng

thiết bị; 5.4.10- Biên bản kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; 5.4.11 - Sổ bảo dưỡng trang thiết bị; 5.4.12 - Báo cáo công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm; 5.4.13 - Bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị; 5.4.14 - Quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị; 5.4.16 - Biên bản kiểm kê hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Nhà trường căn cứ vào thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/05/2017 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong GDNH để xây dựng định mức trong các hoạt động đào tạo và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.; Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của nghề Điện công nghiệp dựa trên cơ sở của Thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH và được tính đúng, tính đủ để đảm bảo chất lượng của hoạt động đào tạo. Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/08/2018 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng, nhà trường đã xây dựng và điều chỉnh lại định mức tiêu hao vật tư, định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Điện công nghiệp. ***1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; 5.5.01 – Quyết định ban hành định mức vật tư khoa Điện – Điện tử***)

Trường có quy định về quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư phục vụ công tác đào tạo và được quản lý chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Khoa Điện – Điện tử lập dự toán/yêu cầu vật tư theo năm học trình Hiệu trưởng ký duyệt. Phòng Tổ chức-Hành chính chịu trách nhiệm mua sắm vật tư theo yêu cầu và bàn giao cho Khoa quản lý và sử dụng. Việc cấp phát - thu nhận vật tư được lưu trữ trong hồ sơ theo đúng quy định. (***5.5.02 - Quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu; 5.5.03 - Sổ sách theo dõi cấp phát - thu nhận vật tư, dụng cụ năm 2019, 2020, 2021; 5.5.04 – Phiếu xuất-nhập kho năm 2019, 2020, 2021. 5.5.05 - Dự trữ vật tư của khoa Điện – Điện tử năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022; 5.5.06 - Giấy yêu cầu vật tư; 5.5.07 - Báo cáo đánh giá việc cấp phát-thu nhập thiết bị, vật tư, vật liệu năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022***).

Trường có một kho chung và tại mỗi xưởng thực hành đều bố trí một kho, khu vực để lưu giữ các hồ sơ, thiết bị, dụng cụ, vật tư thực hành. Tuy diện tích các kho, khu vực bảo quản nhỏ nhưng đủ các điều kiện về bảo quản, che chắn, điều kiện về ánh sáng, chống ẩm mốc, vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. Hàng năm nhân viên phụ trách kho lập báo cáo về công tác quản lý và sử dụng kho (**5.5.08- Quyết định thành lập các kho và cán bộ phụ trách; 5.5.09 - Hình ảnh các kho lưu trữ; 5.5.10 - Báo cáo hoạt động của kho năm 2019, 2020, 2021**)

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về việc cấp phát, sử dụng vật tư thực tập. Kết quả khảo sát cho thấy việc cung cấp nguyên vật liệu thực tập đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy (**2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Thư viện trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi gồm có 03 phòng với 01 phòng đọc có diện tích 120m tại nhà A, 01 phòng đọc có diện tích 100m² tại cơ sở Thiện Tân và 01 phòng thư viện điện tử có diện tích 100m² được liên thông với Hội trường 288m² tại nhà E. Thư viện có đủ chủng loại giáo trình, sách báo, tài liệu chuyên môn, tạp chí, luận văn phù hợp với các nghề đào tạo. Hiện nay thư viện có trên 43 đầu giáo trình đào tạo nghề Điện công nghiệp với trên 215 bản in. Bên cạnh những Giáo trình, tài liệu tham khảo trong nước nhà trường tổ chức GIZ hỗ trợ giáo trình, tài liệu giảng dạy và sách tham khảo cho Khoa Điện – Điện tử.

Phòng thư viện điện tử có 24 máy tính kết nối internet phục vụ nhu cầu tra cứu và học tập của cán bộ, giáo viên và HSSV.

(4.9.01 – Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp; 5.6.01- Bảng kê danh mục giáo trình và số lượng tại thư viện; 5.6.02- Bảng kê danh mục sách, tài liệu tham khảo; 5.6.03- Bản in sách, tài liệu tham khảo; 5.6.04- Bảng kê danh mục giáo trình được số hóa; 5.6.05- Bảng kê sách, tài liệu tham khảo được số hóa; 5.6.06 Sơ đồ mặt bằng thư viện; 5.6.07 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2019, 2020, 2021)

Nhà trường có Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ internet băng thông rộng được ký kết với Công ty cổ phần FPT-Chi nhánh Đồng Nai (5.6.08 – Hợp đồng cung cấp Internet). Nhà trường hợp tác xây dựng, phát triển và vận hành thư viện số với Công ty trách nhiệm hữu hạn tài liệu trực tuyến VINA.Thư viện số giúp HSSV tra cứu tài liệu trên trang Web của nhà trường (5.6.09 – Hợp đồng Thư viện số).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của thư viện nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan đánh giá cao công tác thư viện của trường. (2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Hiện nay thư viện được đầu tư 24 bộ máy tính có nối mạng Internet, máy photocopy, máy in và các trang thiết bị thư viện khác. Các thiết bị này được bố trí hợp lý trong thư viện để đảm bảo nguyên tắc dễ sử dụng và dễ bảo quản. Hệ thống máy tính hoạt động phục vụ tra cứu giáo trình, tài liệu, sách báo, tạp chí của giáo viên và học sinh trên mạng internet (1.1.09 - Trang web <http://vcmi.edu.vn>; 5.7.01 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện).

Phần mềm quản lý thư viện của nhà trường do cán bộ giáo viên khoa Công nghệ thông tin viết và được nghiệm thu bởi Hội đồng khoa học của nhà trường để phục vụ cho việc tra cứu và quản lý tài liệu (5.7.02 – *Hợp đồng cung cấp phần mềm quản lý thư viện*). Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu tại thư viện được thể hiện trong phần mềm “Chương trình Quản lý Thư viện Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi” (5.7.03 - *Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu đang sử dụng tại thư viện*; 5.7.04 - *Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa*).

Nhà trường ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ internet băng thông rộng với nhiều nhà cung cấp như Công ty cổ phần FPT-Chi nhánh Đồng Nai, công ty Viettel, công ty VNPT (5.6.08 – *Hợp đồng cung cấp Internet*)

Như vậy hệ thống mạng nội bộ, công kết nối internet đảm bảo các thiết bị được hoạt động bình thường, thường xuyên hỗ trợ tốt cho các hoạt động của đơn vị (5.7.05 – *Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm*)

Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và người học về việc thư viện đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu. Kết quả cho thấy rằng thư viện đáp ứng được nhu cầu tra cứu tài liệu của giáo viên và sinh (2.3.23- *Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.24- *Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.25- *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.26- *Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021*. 2.3.27- *Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.28- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, ngoài việc đào tạo phương pháp sư phạm, chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên còn chú trọng đến sử dụng các phương tiện dạy học cũng như các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học phục vụ trong giảng dạy nghề Điện công nghiệp như :PowerPoint, Step 7 dùng cho PLC S7-300; Tia portal cho PLC 1200, 1500, KNX, Bộ điều khiển lập trình EASY của hãng MELLER, Logo; GX dùng cho PLC Mitshubishi; Wincc, Phần mềm mô phỏng thủy lực khí nén Festo Fluidsim...; (5.8.01- *Danh mục các phần mềm ảo*; 4.302 - *Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi luôn xác định học sinh, sinh viên là nhân vật trung tâm của Nhà trường. Với mục tiêu chung là mọi hoạt động đều hướng về học sinh, sinh viên, tạo môi trường thân thiện cho học sinh, sinh viên được phát triển toàn diện về kiến thức – kỹ năng – thái độ, sau khi tốt nghiệp có việc làm và đáp ứng thị trường lao động. Chính vì vậy các thông tin về khóa học, các điều kiện, yêu cầu của toàn bộ quá trình đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm cập nhật, thông tin đến người học thường xuyên như: nghề đào tạo; chương trình, kế hoạch đào tạo; nội quy, quy định của Nhà trường; Quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp,....

Bên cạnh đó các dịch vụ phục vụ cho người học nghề như: chăm sóc sức khỏe y tế; ký túc xá đảm bảo phục vụ đủ số lượng người học so với quy định; nhà ăn thoáng mát, sạch sẽ, an toàn, giá cả hợp lý, phục vụ tốt cho người học. Giải quyết việc làm sau đào tạo cũng luôn được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học có cơ hội tiếp xúc với doanh nghiệp và tìm được việc làm phù hợp.

❖ *Những điểm mạnh:*

- Hoạt động phổ biến thông tin, tuyên truyền đến người học luôn kịp thời, sâu sát ngay từ khi mới nhập học và cả trong suốt quá trình đào tạo. Qua đó, Nhà trường giới thiệu đến người học những ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo, quyền lợi đối với người học... Phổ biến đầy đủ về chương trình đào tạo, thời khóa biểu, các quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, Quy chế công tác học sinh sinh viên, quy chế đánh giá điểm rèn luyện của học sinh, các nội quy quy định của Nhà trường ...

- Các hoạt động dịch vụ khác như: điều kiện ăn, ở, văn thể mỹ, chăm sóc sức khỏe cho người học luôn được Nhà trường quan tâm thực hiện tốt.

- Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin thị trường lao động để cung cấp cho người học, tổ chức tiếp xúc giữa người học với nhà tuyển dụng, tổ chức cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, tạo điều kiện tối đa cho HSSV có thể

tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế từ sớm và thông qua đó các em có thể tự tìm được việc làm cho mình ngay sau khi kết thúc khóa học.

❖ Những tồn tại:

Mối quan hệ giữa Nhà trường với các tổ chức nghề nghiệp, các doanh nghiệp còn hạn chế, do vậy chưa tận dụng khả năng và ưu thế của họ nhằm giúp HSSV có thêm nhiều điều kiện tiếp cận với doanh nghiệp.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ tiếp tục mở rộng tăng cường các mối quan hệ với các doanh nghiệp, với VCCI và các tổ chức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Đối với HSSV khóa mới, ngay sau khi nhập học nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa để triển khai các thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định, các thông tin trên được khoa Điện – Điện tử và giáo viên chủ nhiệm; phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV phối hợp triển khai thực hiện. Bên cạnh đó phòng công tác HSSV triển khai phát sổ tay HSSV trong đó cung cấp đầy

đủ thông tin giới thiệu về trường, các nội quy, quy định, chính sách của nhà nước... (6.1.01- Kế hoạch hoạt động đầu khoá; 6.1.02- Nội quy quy chế nhà Trường; 4.6.02 - Quy chế đào tạo; 2.5.01 - Quy chế thi, kiểm tra và xét tốt nghiệp; 6.1.03 – Quy chế công tác HSSV; 6.1.04- Biên bản sinh hoạt lớp; 6.1.05- Sổ tay học HSSV)

Đối với những chính sách mới dành cho người học được cập nhật liên tục và triển khai từ Ban giám hiệu đến các phòng chức năng, khoa Điện – Điện tử và được giáo viên chủ nhiệm phổ biến đến HSSV vào các giờ sinh hoạt lớp, đồng thời cập nhật và đăng tải lên website của trường để tất cả HSSV có thể truy cập: (1.1.09- [www.http://vcmi.edu.vn](http://vcmi.edu.vn); 6.1.06 - Biên bản sinh hoạt lớp)

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về việc cung cấp thông tin cho người học. Kết quả cho thấy nhà trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người. (2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập

Người học được hưởng đầy đủ chế độ chính sách theo quy định, cụ thể như:

- Chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định Số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. (Quyết định miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP năm học 2019 – 2020; 2020-2021; 2021-2022; Danh sách HSSV được miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP năm học 2019 – 2020; 2020-2021; 2021-2022)

- Chính sách học bổng nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. (Danh sách HSSV được hưởng học bổng nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg năm học 2019 – 2020; 2020-2021; 2021-2022)

Để khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện nhà trường đã ban hành và áp dụng nhiều biện pháp khen thưởng như:

- Các chính sách về học bổng khuyến khích; khen thưởng cho học sinh giỏi các cấp; chi khen thưởng cho HSSV đạt thành tích cao tại các kỳ thi tốt nghiệp; khen thưởng cho tập thể lớp; khen thưởng HSSV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phong trào; chi hỗ trợ cán bộ lớp được quy định đầy đủ tại quy chế chi tiêu nội bộ của trường hàng năm. (**3.3.02** - *Quy chế chi tiêu nội bộ của trường năm 2020, 2021, 2022*; **6.2.01** - *Quyết định tặng học bổng khuyến khích năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021*; **6.2.02** - *Quyết định khen thưởng HSSV đạt thành tích cao tại hội thi các cấp năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021*; **6.2.03** - *Quyết định khen thưởng HSSV tham gia tích cực hoạt động phong trào năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021*; **6.2.04** - *Quyết định khen thưởng tập thể lớp HSSV xuất sắc năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021*)

- Các chính sách miễn giảm học phí, lệ phí ký túc xá cho những HSSV thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, mồ côi, khuyết tật...được thực hiện theo quyết định của Hiệu trưởng: (**6.2.05** - *Quyết định miễn giảm học phí cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021*; **6.2.06** - *Quyết định miễn lệ phí ký túc xá cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021*)

- Đoàn thanh niên trường trao quà tết cho đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn (**6.2.07** - *Quyết định tặng quà tết cho đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn*).

- Ngoài ra người học còn được hưởng các chính sách khác theo quy định của Nhà nước và UBND tỉnh Đồng Nai như chính sách hỗ trợ tiền tết dành cho HSSV dân tộc thiểu số của UBND tỉnh Đồng Nai (**6.2.08** - *Danh sách chi tiền tết cho HSSV dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại Đồng Nai*)

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về việc thực hiện các chế độ chính sách cho người học. Kết quả cho thấy trường đã thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người học. (**2.3.21**- *Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm*

2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3. Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm là đơn vị chức năng trực thuộc trường thực hiện nhiệm vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh – sinh viên sau khi tốt nghiệp. (6.3.01- Quyết định thành lập Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm; 6.3.02- Quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm).

Hàng năm nhà trường đều tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp, thu thập thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp phối hợp với khoa Điện – Điện tử cung cấp cho HSSV và đăng tải thông tin lên website của trường. (6.3.03 - Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp; 6.3.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp; - Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp; -[www.http//vcmi.edu.vn](http://vcmi.edu.vn); website: 6.3.05 vieclamdongnai.net)

Nhà trường thường xuyên liên hệ với các doanh nghiệp để tổ chức cho HSSV đi thực tập và làm việc tại các doanh nghiệp qua đó tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với các nhà tuyển dụng, tạo cơ hội làm việc ngay trong công ty mà mình đang thực tập sau khi tốt nghiệp (3.6.06 - Hợp đồng, thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc tiếp nhận học sinh đi thực tập và làm việc; 2.4.02- Quyết định cử học sinh đi thực tập doanh nghiệp).

Ngoài ra nhà trường còn phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các buổi tư vấn nghề nghiệp và phỏng vấn tuyển dụng HSSV tại trường; mời doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo; đánh giá HSSV tốt nghiệp và tham gia Hội đồng tư vấn nghề, thông qua đó giúp HSSV tiếp cận gần hơn với các yêu cầu từ doanh nghiệp (6.3.07 - Kế hoạch mời doanh nghiệp tư vấn tuyển dụng; 6.3.08 - Hình ảnh tư vấn tuyển dụng học sinh-sinh viên; 6.3.09 - Quyết định thành lập Hội

đồng tư vấn nghề; **6.3.10** - Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn nghề; **2.5.05** - Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp)

Hàng năm nhà trường phối hợp với trung tâm việc làm tỉnh Đồng Nai tổ chức cho học sinh – sinh viên năm cuối tham gia các sàn giao dịch việc làm. Thông qua các hoạt động tại sàn giao dịch việc làm giúp các em học sinh – sinh viên năm cuối tiếp cận với thông tin của nhà tuyển dụng, làm quen với cách thức phỏng vấn của doanh nghiệp giúp nâng cao kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. (**6.3.11**- Thư mời tham gia sàn giao dịch việc làm; **6.3.12**- Kế hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm; **6.3.13** - Hình ảnh hoạt động tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm tỉnh Đồng nai; **6.3.14** - Báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm HTTS&TVVL năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc rèn luyện sức khỏe cũng như giải trí của HSSV như: Sân bóng đá mini; sân bóng chuyền; sân bóng rổ; xà đơn, xà kép; hội trường, âm thanh ánh sáng...(6.4.01- Qui hoạch tổng thể khuôn viên nhà trường; 6.4.02 - Hồ sơ hoàn công xây dựng các công trình; **6.4.03** - Một số hình ảnh cảnh quan).

Đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo cán bộ, giáo viên và học sinh – sinh viên tham gia như các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị trong khối Bộ Nông nghiệp và PTNT, với các trường THPT trên địa bàn, Đoàn Xã; Huyện Đoàn, Đoàn Kho K860- Cục quân khí; các hoạt động tình nguyện như thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, trẻ em mồ côi khuyết tật, các hoạt động vệ sinh môi trường, xanh hóa cơ sở đào tạo (**6.4.04**- Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng ngày thành lập đoàn 26/3 20/11...; **6.4.05**- Hình ảnh các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ thể thao với các đơn vị bạn; **6.4.06**- Kế hoạch tổ chức các hoạt động tình nguyện; **6.4.07**- Hình ảnh các hoạt động tình nguyện).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về công tác phục vụ đào tạo. Kết quả cho thấy nhà trường thực hiện tốt các hoạt động

xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học . (2.3.21- Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.22- Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.23- Phiếu khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021; 2.3.24- Phiếu khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.25- Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.26- Báo cáo kết quả khảo sát CBQL năm 2019, 2020, 2021. 2.3.27- Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019, 2020, 2021; 2.3.28- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Là cơ sở đào tạo có uy tín của địa phương, Nhà trường luôn coi trọng vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo và khẳng định chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Với nhận thức trên Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã chủ động tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH. Bên cạnh đó nhà trường chủ động tổ chức khảo sát tại các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp cũng như khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, người học về công tác đào tạo cũng như các chính sách khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

❖ Những điểm mạnh:

Trường đã thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm. Việc khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người học được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

❖ Những tồn tại:

Nhà trường tổ chức khảo sát 100% HSSV tốt nghiệp nhưng số lượng phản hồi đạt khoảng 80%.

Số lượng doanh nghiệp tham gia đóng góp xây dựng chương trình, giáo trình chỉ mới giới hạn trong một số doanh nghiệp có quan hệ mật thiết với trường.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm.

- Khảo sát lấy ý kiến của 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người học đã tốt nghiệp, tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả khảo sát làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của trường, của Khoa.
- Duy trì, mở rộng và phát huy tốt hơn nữa mối quan hệ với các doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, nhà trường đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp. Hàng năm, Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo tại trường qua lấy phiếu khảo sát. Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa

vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát đào tạo được đánh giá là đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động

Để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp cũng như chương trình đào tạo của nhà trường đối với yêu cầu của DN và thực tiễn sản xuất, trong các năm 2019, 2020, 2021 nhà trường phối hợp với Tổ chức GIZ và Viện khoa học GDNN thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ DN (**7.1.01** - Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; **7.1.02** - Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; **7.1.03** - Bảng nhập liệu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; **7.1.04** - Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát).

Kết quả khảo sát lần vết đối với người học tốt nghiệp cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên ngành Điện công nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp được DN đánh giá đáp ứng ở mức khá cao, cụ thể:

- Năng lực lý thuyết nghề:

- + Năm 2019: có điểm từ 3.5 – 4.58, trung bình là 4
- + Năm 2020: có điểm từ 3.5 – 4.42, trung bình là 4.02
- + Năm 2021: có điểm từ 3.6 – 4.8, trung bình là 4.08

- Năng lực kỹ năng cứng:

- + Năm 2019: có điểm từ 3.92 – 4.67, trung bình là 4.35
- + Năm 2020: có điểm từ 4 – 4.42, trung bình là 4.07
- + Năm 2021: có điểm từ 4 – 4.6, trung bình là 4.28

- Năng lực kỹ năng mềm:

- + Năm 2019: có điểm từ 3.83 – 4.25, trung bình là 4.04
- + Năm 2020: có điểm từ 3.58 – 4.33, trung bình là 3.98
- + Năm 2021: có điểm từ 3.71 – 4, trung bình là 3.89

- Thái độ làm việc:

- + Năm 2019: có điểm từ 3.92 – 4.25 , trung bình là 4.16
- + Năm 2020: có điểm từ 3.67 – 4.33 , trung bình là 3.95
- + Năm 2021: có điểm từ 4 – 4.57 , trung bình là 4.19

Từ đó cho thấy năng lực của HSSV nghề Điện công nghiệp sau khi tốt nghiệp đều được doanh nghiệp đánh giá đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (7.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

- Khảo sát về sự đáp ứng của chương trình đào tạo với doanh nghiệp:

+ Năm 2020:

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
1	Mục tiêu đào tạo của ngành/ngành là rõ ràng và đầy đủ	2	17 %	10	83%	0	0%	0	0%
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp	5	42 %	7	58%	0	0%	0	0%
3	Thời lượng của chương trình đào tạo là phù hợp	4	33 %	8	67%	0	0%	0	0%
4	Chương trình có sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	0	0%	9	75%	3	25 %	0	0%
5	Thời lượng thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp	9	75 %	3	25%	0	0%	0	0%
6	Chương trình đào tạo được cấu trúc linh hoạt, hợp lý	6	50 %	6	50%	0	0%	0	0%
7	Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	4	33 %	6	50%	2	17 %	0	0%
8	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	9	75 %	3	25%	0	0%	0	0%
9	Số lượng các môn học/modun trong chương trình là phù hợp	4	33 %	5	42%	3	25 %	0	0%

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
10	Cách thức kiểm tra đánh giá cuối môn học/modun là phù hợp	8	67%	4	33%	0	0%	0	0%
	Tổng		43%		51%		7%		0%

+ Năm 2021:

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
1	Mục tiêu đào tạo của ngành/nghề là rõ ràng và đầy đủ	9	64%	5	36%	0	0%	0	0%
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp	6	43%	8	57%	0	0%	0	0%
3	Thời lượng của chương trình đào tạo là phù hợp	9	64%	5	36%	0	0%	0	0%
4	Chương trình có sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	0	0%	12	86%	2	14%	0	0%
5	Thời lượng thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp	6	43%	8	57%	0	0%	0	0%
6	Chương trình đào tạo được cấu trúc linh hoạt, hợp lý	4	29%	10	71%	0	0%	0	0%
7	Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	3	21%	8	57%	2	14%	0	0%

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
8	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	9	64%	5	36%	0	0%	0	0%
9	Số lượng các môn học/modun trong chương trình là phù hợp	4	29%	6	43%	4	29%	0	0%
10	Cách thức kiểm tra đánh giá cuối môn học/modun là phù hợp	9	64%	5	36%	0	0%	0	0%
Tổng			42%		51%		6%		0%

Từ đó cho thấy chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp (7.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Công tác điều tra khảo sát lần vết HSSV đã tốt nghiệp được nhà trường kết hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế đức GIZ và Viện Khoa học Giáo dục nghề nghiệp – Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tiến hành theo định kỳ hàng năm.

Năm 2019, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 163/163 học sinh nghề Điện công nghiệp (Khóa 35 tốt nghiệp năm 2018). Số HSSV trả lời khảo sát là 163 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó tỉ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau 6 tháng tốt nghiệp là 159/163 (đạt tỉ lệ 97.5%); số liệu khảo sát cụ thể như sau:

Nghề đào tạo	Có liên quan		Liên quan một phần	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)

Nghề đào tạo	Có liên quan		Liên quan một phần	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Điện công nghiệp	152	95.6%	7	4.4%

Năm 2020, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 193/193 học sinh nghề Điện công nghiệp (Khóa 36 tốt nghiệp năm 2019). Số HSSV trả lời khảo sát là 193/193 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó tỉ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau 6 tháng tốt nghiệp là 186/193 (đạt tỉ lệ 96.3%); số liệu khảo sát cụ thể như sau:

Nghề đào tạo	Có liên quan		Liên quan một phần	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Điện công nghiệp	172	92.5%	14	7.5%

Năm 2021, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 159/159 học sinh nghề Điện công nghiệp (Khóa 37 tốt nghiệp năm 2020). Số HSSV trả lời khảo sát là 159/159 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó tỉ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau 6 tháng tốt nghiệp là 152/159 (đạt tỉ lệ 95.5%); số liệu khảo sát cụ thể như sau:

Nghề đào tạo	Có liên quan		Liên quan một phần	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Điện công nghiệp	148	97.4%	4	2.6%

(2.5.14- Quyết định tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021; 7.2.01 - Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021; 7.2.02 - Phiếu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021; 7.2.03 - Bảng nhập liệu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021; 7.2.04 - Báo cáo kết quả khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021).

Như vậy, trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp 100% học sinh được khảo sát đối với nghề Điện công nghiệp có trên 80% có việc làm phù hợp với nghề đã học.

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... Nhà trường đã sử dụng nhiều loại phiếu khảo sát khác nhau để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan nhất (7.3.01-Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, giảng viên; 7.3.02-Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý; 7.3.03-Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên; 7.3.04-Phiếu tự đánh giá của giảng viên sau khi kết thúc modul/môn học; 7.3.05-Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên tham gia khảo sát).

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết cán bộ quản lý, nhà giáo, cho rằng các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của nhà trường phù hợp với thực tế của nhà trường (7.3.06-Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý; 7.3.07-Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên; 7.3.08-Báo cáo kết quả tự đánh giá của giảng viên).

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người học để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học nghề được nhà trường thực hiện đầy đủ và có nhiều chính sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học (7.4.01 - Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ HSSV; 7.4.02 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV; 7.4.03 - Danh sách người học hàng năm; 7.4.04 - Danh sách người học được lấy ý kiến; 7.4.05 - Báo cáo kết quả khảo sát).

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định

Trường Cao đẳng CG&TL đã được đánh giá ngoài chất lượng cơ sở GDNN 3 lần vào các năm năm 2010, 2015 và 2020. Kết quả, Nhà trường đều đạt cấp độ 3 và được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm Phòng KT&KĐCL có trách nhiệm lập kế hoạch, chủ trì triển khai công tác tự đánh giá chất lượng GDNN. Kết quả tự đánh giá chất lượng được báo cáo Hiệu trưởng, các cơ quan chức năng và công bố công khai trong toàn trường (*7.5.01 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021; 7.5.02 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021; 7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021*).

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, TCGDNN ban hành công văn 1982 lựa chọn nhà trường tham gia thí điểm đánh giá theo tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao. Sau 1 tháng làm việc khẩn trương, nghiêm túc Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá chất lượng theo tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao với kết quả đạt 91/100 điểm. Từ ngày 25 đến ngày 27/11/2019 đoàn đánh giá ngoài của TCGDNN đã khảo sát thực tế tại trường, kết quả đoàn đánh giá nhà trường đạt 87/100 điểm, đạt tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao (*7.5.04- Công văn 1982/TCGDNN-CTMT ngày 30/09/2019; 7.5.05- Quyết định thành lập Hội đồng thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao; 7.5.06- Kế hoạch thực hiện thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao; 7.5.07- Báo cáo tự đánh giá chất lượng theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao*).

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Phòng KT&KĐCL phối hợp với các đơn vị tham mưu Ban giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về sư phạm nghề; cử giáo viên tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên; cử giáo viên tham gia học tập và bồi

duỡng tại nước ngoài; cử giáo viên thăm quan/thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; chỉnh trang cơ sở vật chất... (7.6.01-Kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm; 7.6.02-Công văn 3874/LĐT BXH-GDNN về mở lớp Sư phạm Dạy nghề; 7.6.03-Quyết định cử giáo viên đi học tập tại nước ngoài; 7.6.04-Quyết định cử giáo viên đi thực tập doanh nghiệp; 7.6.05-Hồ sơ lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề Điện công nghiệp; 7.6.06-Hồ sơ kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; 7.6.07-Các hợp đồng mua trang thiết bị; 7.6.08-Các hợp đồng / tài liệu xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất).

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo

Trường đã thực hiện tiến hành điều tra lần vết đối với học sinh, sinh viên (HSSV) theo Hướng dẫn của Cơ quan hợp tác quốc tế Đức GIZ và Cục Kiểm định và đảm bảo chất lượng – Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Cụ thể: trường thực hiện khảo sát lần vết năm 2019 (163/163 HSSV), 2020 (193/193 HSSV), 2021 (159/159 HSSV) đối với nghề Điện công nghiệp (7.7.01 - Biên bản họp xét điều kiện tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 7.7.02 - Báo cáo kết quả tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 7.7.03- Quyết định, danh sách HSSV tốt nghiệp 2018, 2019, 2020). Kết quả khảo sát lần vết cho thấy trên 80% HSSV nghề Điện công nghiệp đã tìm được việc làm phù hợp với ngành, nghề đã được đào tạo (7.2.01 -Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021;7.2.02- Phiếu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021; 7.2.03 - Bảng nhập liệu khảo sát lần vết HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.2.04 - Báo cáo kết quả khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021).

Như vậy, trường đáp ứng được yêu cầu có trên 80% tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

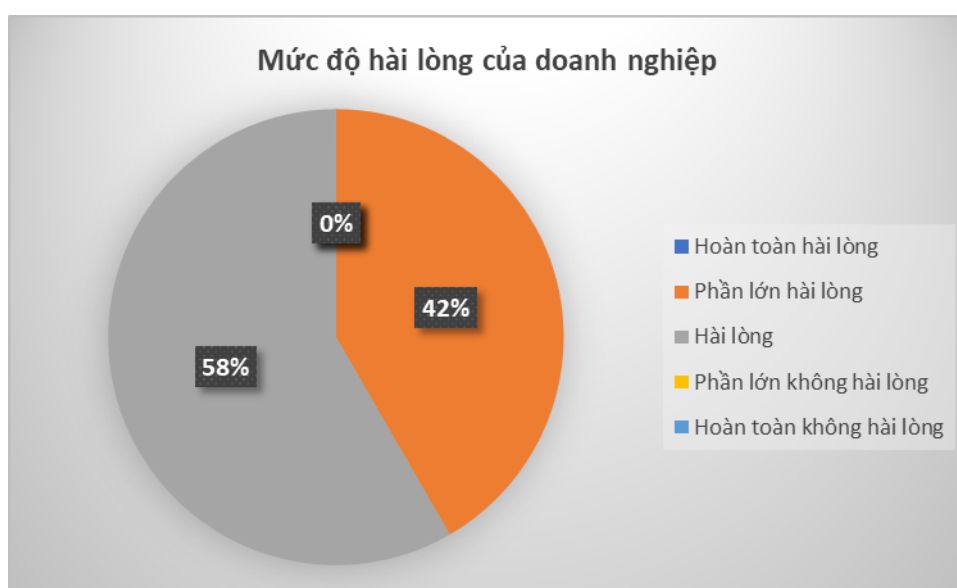
Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, Trường đã thực hiện tiến hành điều tra lần vết đối với học sinh, sinh viên (HSSV) (7.1.01- Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 7.1.02-

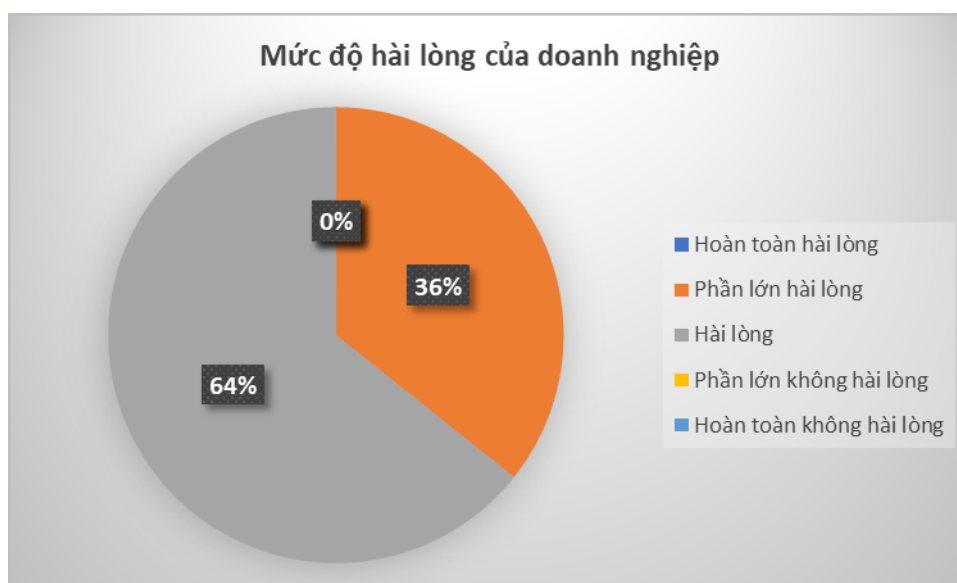
Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 7.1.03-Bảng nhập liệu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 7.1.04 - Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát; 7.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Kết quả khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV học nghề Điện công nghiệp đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị như sau:

+ Năm 2020: 42% doanh nghiệp phần lớn hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. 58% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị.



+ Năm 2021: 36% doanh nghiệp phần lớn hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. 64% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị.



Từ đó cho thấy trên 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của HSSV nghề Điện công nghiệp đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. (7.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực để tập trung phát triển trường trở thành trường Xanh chất lượng cao vào năm 2023. Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực tập, khu làm việc ngày càng đồng bộ, hiện đại để đạt chuẩn trường chất lượng cao. Đặc biệt tập trung cho nghề trọng điểm đã được Bộ và Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá và định kỳ rà soát các công cụ quản lý để có những điều chỉnh phù hợp. Tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình phù hợp với thực tế sản xuất. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

- Trường sẽ tiếp tục tăng cường liên kết với doanh nghiệp và huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của trường. Đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giáo viên Nhà trường

- Trường sẽ tiếp tục mở rộng tăng cường các mối quan hệ với các doanh nghiệp, với VCCI và các tổ chức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị Tổng cục GDNN tiếp tục hỗ trợ trường đào tạo cán bộ, giáo viên; chuyển giao và giúp Nhà trường thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng.

- Đề nghị Tổng cục GDNN là cầu nối để Nhà trường tiếp cận và mở rộng mối quan hệ ba bên giữa: Nhà trường - Doanh nghiệp - các Hiệp hội nghề nghiệp/VCCI trong các hoạt động đào tạo; tạo điều kiện cho trường mở rộng các mối quan hệ quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nghề.

- Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ quốc tế đối với các nghề trọng điểm; Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; đầu tư số hóa, mô phỏng hóa đối với các nghề trọng điểm. Đặc biệt là hỗ trợ trường đầu tư xây dựng trường thành trung tâm đào tạo nghề Xanh xuất sắc do cơ quan hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tài trợ.

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /QĐ-GC&TL

Đồng Nai, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

(V/v thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI

- Căn cứ Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ giới & Thủy lợi;

- Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo(CTĐT) nghề Điện công nghiệp của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi năm 2021 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị/cá nhân có nhiệm vụ thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp.

- Đề xuất các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng nghề Điện công nghiệp.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp và gửi báo cáo kết quả về Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VT



Nguyễn Văn Chương

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ – CG&TL/KĐCL ngày 11 tháng 03 năm 2021)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN
1	Trần Văn Thắng	P. Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Dương Cảnh Toàn	TK.Điện-điện tử	Phó chủ tịch
3	Nguyễn Tuấn Vũ	Giáo viên khoa Điện-điện tử	Thư ký
4	Trần Thị Thùy Hương	PTK.Điện-điện tử	Ủy viên
5	Ngô Hữu Trình	Giáo viên khoa Điện-điện tử	Ủy viên
6	Phạm Duy Đông	Tp.Đào tạo	Ủy viên
7	Lê Minh Nguyệt	Tp. Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
8	Phạm Ngọc Tuyển	Tp. CTHSSV	Ủy viên
9	Bùi Mạnh Hùng	Tp. Khảo thí & KĐCL	Ủy viên
10	Lâu Lý Sáng	Công ty TNHH POU SUNG Việt nam	Ủy viên
11	Nguyễn Trọng Mạnh	Công ty TNHH Một thành viên Duy Mạnh	Ủy viên

2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CƠ CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 39 /KH-GC&TL

Đồng nai, ngày 18 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH **Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo** **Nghề Cắt gọt kim loại và nghề Điện công nghiệp**

Ngày 11/03/2021 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi ban hành Quyết định số 178/QĐ-CG&TL về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; Quyết định số 179/QĐ-CG&TL về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại;

Ngày 19/03/2021 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi ban hành văn bản số 244/KH-CG&TL về kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại;

Theo kế hoạch đã được phê duyệt, công tác đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 2 nghề Cắt gọt kim loại và Điện công nghiệp sẽ kết thúc vào tháng 10/2021 nhưng vì lý do khách quan công việc đã không thực hiện đúng kế hoạch. Do đó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi yêu cầu tiếp tục thực hiện công tác đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 2 nghề Điện công nghiệp và Điện công nghiệp, thời gian cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Đến 15/03/2022	Hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT	- Khoa Điện – điện tử - Khoa Cơ khí	-P. Đào tạo -P.TC-HC -P.KT&KĐCL
2	Từ 16/03/2022 Đến 15/04/2022	Hoàn thiện hồ sơ, minh chứng	- Khoa Điện – điện tử - Khoa Cơ khí	Các đơn vị
3	Từ 18/04/2022 Đến 29/04/2022	Hoàn thiện báo cáo, hồ sơ minh chứng tự đánh giá CTĐT	Hội đồng TĐGCTĐT	- Khoa Điện – điện tử - Khoa Cơ khí

4	Từ 3/5/2022 Đến 31/5/2022	Thực hiện đánh giá ngoài CTĐT	Hội đồng TĐGCTĐT	Các đơn vị
---	------------------------------	----------------------------------	------------------	------------

Nơi nhận:

- BGH (chỉ đạo)
- Các phòng/ khoa (thực hiện)
- Lưu VT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Chương

Mẫu 3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1.1	1.1.01		Quyết định 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi;
2			1.1.02		Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030
3			1.1.03		Quyết định số 547a/QĐ-CG< ngày 11/08/2020 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
4			1.1.04		Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025)
5			1.1.05		Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
6			1.1.06		Hợp đồng đào tạo với Sở Lao động TBXH Đồng Nai
7			1.1.07		Các thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp;
8			1.1.08		Báo cáo khảo sát doanh nghiệp
9			1.1.09		<u>Website http://vcmi.edu.vn;</u>
10			1.1.10		Poster của trường Cao đẳng Cơ giới và thủy lợi
11			1.1.11		Quyết định số 202/QĐ-CG< ngày 19/04/2017 về việc Ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp
12			1.1.12		Quyết định số 547a/QĐ-CG< ngày 11/08/2020 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
13			1.1.13		Báo cáo khảo sát các bên liên quan

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
14				1.1.01	Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
15		1.2	1.2.01		Quyết định số 672/QĐ-CG&TL ngày 15/11/2018 qui định chức năng, nhiệm vụ Khoa Điện - Điện tử
16			1.2.02		Báo cáo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
17			1.2.03		Báo cáo tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
18			1.2.04		Quyết định mở lớp nghề Điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021
19			1.2.05		Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021
20			1.2.06		Các quyết định khen thưởng
21		1.3	1.3.01		Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
22			1.3.02		Quyết định mức thu học phí năm 2019, 2020, 2021
23			1.3.03		Hợp đồng đào tạo nghề với Sơ LĐTBXH Đồng Nai
24			1.3.04		Sổ chi tiết thu dịch vụ SXKD năm 2019, 2020, 2021
25			1.3.05		Các Hợp đồng giao khoán
26			1.3.06		Dự toán thu chi năm 2019, 2020, 2021
27			1.3.07		Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tài chính 2019, 2020, 2021
28			1.3.08		Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt các năm 2019, 2020, 2021
29			1.3.09		Biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
30	2	2.1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh năm 2019,2020,2021
31			2.1.02		Quy trình tuyển sinh
32			2.1.03		Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp &PTNT năm 2019,2020,2021
33			2.1.04		Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2019,2020,2021;
34			2.1.05		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh
35			2.1.06		Quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành/nghề đào tạo năm 2019,2020,2021
36			2.1.07		Kế hoạch tuyển sinh năm 2019,2020,2021
37			2.1.08		Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
38			2.1.09		Các tờ rơi tuyển sinh
39			2.1.10		Hợp đồng phát thanh, truyền hình
40				1.1.09	Trang web http://vcmi.edu.vn
41			2.1.11		Biên bản họp Hội đồng xét tuyển và danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021
42			2.1.12		Báo cáo tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021
43			2.1.13		Giấy báo nhập học
44			2.1.14		Một số hình ảnh về ngày nhập học
45			2.1.15		Quyết định mở lớp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
46			2.1.16		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển
47			2.1.17		Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh
48		2.2	2.2.01		Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
49			2.2.02		Thời khóa biểu năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
50			2.2.03		Kế hoạch sử dụng xưởng thực hành
51			2.2.04		Kế hoạch sử dụng phòng học lý thuyết
52			2.2.05		Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022
53			2.2.06		Lịch trình giảng dạy

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
54			2.2.07		Giáo án giảng dạy
55			2.2.08		Sổ tay giáo viên
56			2.2.09		Sổ lên lớp
57			2.2.10		Thông báo về việc điều chỉnh thời gian học
58			2.2.11		Kế hoạch dự giờ và kiểm tra quy chế đào tạo
59			2.2.12		Biên bản dự giờ và kiểm tra quy chế đào tạo
60			2.2.13		Kế hoạch hội giảng năm 2019, 2020, 2021;
61			2.2.14		Kết quả hội giảng năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
62			2.2.15		Dự trữ vật tư thực tập
63			2.2.16		Hợp đồng cung cấp vật tư, nguyên vật liệu
64			2.2.17		Báo cáo tổng kết năm học 2019, 2020, 2021
65		2.3		2.2.01	Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo 2019, 2020, 2021
66				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021
67				2.2.09	Sổ lên lớp
68				2.2.07	Giáo án giảng dạy
69				2.2.08	Sổ tay giáo viên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
70			2.3.01		Kế hoạch hội giảng Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021
71			2.3.02		Hồ sơ bài giảng
72			2.3.03		Phiếu đánh giá của Ban Giám khảo hội giảng cấp trường
73			2.3.04		Video, hình ảnh các tiết dạy của giáo viên
74			2.3.05		Danh sách GV dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ, cấp toàn quốc
75			2.3.06		Quyết định khen thưởng GV dạy giỏi
76			2.3.07		Đề tài tốt nghiệp của sinh viên
77			2.3.08		Danh sách và quyết định khen thưởng HSSV tham gia các kỳ thi tay nghề giỏi các cấp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
78			2.3.09		Quyết định (thông báo) mở lớp IC3, MOS
79			2.3.10		Danh sách học viên lớp IC3,MOS
80			2.3.11		Hợp đồng giảng dạy IC3,MOS
81			2.3.12		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị chương trình mục tiêu quốc gia
82			2.3.13		Bài giảng điện tử
83			2.3.14		Phần mềm dạy học
84			2.3.15		Phần mềm quản trị số
85			2.3.16		Phần mềm LMS

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
86			2.3.17		Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo 2019, 2020, 2021
87				2.3.06	Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp
88			2.3.18		Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị CBVC và người lao động năm 2019, 2020, 2021
89			2.3.19		Phần mềm quản lý đào tạo
90			2.3.20		Báo cáo sử dụng Phần mềm quản lý đào tạo
91			2.3.21		Kế hoạch khảo sát CBQL,GV
92			2.3.22		Kế hoạch khảo sát HSSV
93			2.3.23		Phiếu khảo sát CBQL
94			2.3.24		Phiếu khảo sát GV
95			2.3.25		Phiếu khảo sát HSSV
96			2.3.26		Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
97			2.3.27		Báo cáo kết quả khảo sát GV
98			2.3.28		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
99			2.3.29		Báo cáo sử dụng kết quả khảo sát của CBQL, GV, HSSV
100			2.3.30		Các Tờ trình, Quyết định liên quan đến chất lượng hoạt động dạy và học
101		2.4	2.4.01		Hợp đồng tiếp nhận HSSV đến doanh nghiệp thực tập
102			2.4.02		Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp
103			2.4.03		Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp
104			2.4.04		Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại các doanh nghiệp
105			2.4.05		Phiếu đánh giá quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp
106			2.4.06		Danh sách người học tốt nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
107		2.5	2.5.01		Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
108			2.5.02		Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV
109			2.5.03		Quy định về mẫu bằng Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng
110			2.5.04		Kế hoạch thi tốt nghiệp 12019, 2020, 2021
111			2.5.05		Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020;2021
112			2.5.06		Quyết định thành lập Ban Đề thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
113			2.5.07		Quyết định thành lập Ban chấm thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
114			2.5.08		Quyết định thành lập Ban coi thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
115			2.5.09		Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
116			2.5.10		Kế hoạch phân công giáo viên coi, chấm thi tốt nghiệp năm 2019, 2020;2021
117			2.5.11		Biên bản phòng thi, xưởng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020;2021
118			2.5.12		Kết quả thi tốt nghiệp năm 2019, 2020;2021
119			2.5.13		Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp
120			2.5.14		Quyết định công nhận tốt nghiệp
121			2.5.15		Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ
122		2.6	2.6.01		Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019-2020,2020-2021,2021-2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
123			2.6.02		Phiếu dự giờ giảng
124				1.3.09	Biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo 2019, 2020, 2021
125			2.6.03		Báo cáo công tác thanh, kiểm tra đào tạo
126				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022
127				2.2.06	Lịch trình giảng dạy
128				2.2.07	Giáo án giảng dạy
129				2.2.08	Sổ tay giáo viên
130				2.2.09	Sổ lên lớp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
131			2.6.04		Kế hoạch hội giảng giáo viên năm 2019, 2020, 2021
132				2.3.06	Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp
133				2.6.03	Báo cáo công tác thanh, kiểm tra đào tạo
134			2.6.05		Báo cáo tổng kết hội giảng giáo viên hàng năm
135				2.6.03	Báo cáo tổng kết năm học
136				2.2.17	Báo cáo tổng kết năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021
137			2.6.06		Báo cáo tổng kết hội giảng giáo viên hàng năm
138				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL, GV
139				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
140				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
141				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
142				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
143				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
144				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
145				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
146			2.6.07		Các văn bản, Quyết định liên quan đến chất lượng hoạt động dạy và học
147		2.7	2.7.01		Quy chế đào tạo liên thông
148			2.7.02		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHĐ-TCGDNN
149			2.7.03		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHĐBS-TCGDNN
150			2.7.04		Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2019, 2020, 2021
151			2.7.05		Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông
152			2.7.06		Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo liên thông
153			2.7.07		Biên bản họp xét tuyển sinh và danh sách trúng tuyển Liên thông năm 2019, 2020, 2021
154				2.1.08	Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
155			2.7.08		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển 2019, 2020, 2021
156			2.7.09		Quyết định mở các lớp liên thông 2019, 2020, 2021
157			2.7.10		Kế hoạch đào tạo các lớp liên thông 2019, 2020, 2021
158				2.5.04	Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp liên thông 2019, 2020, 2021
159			2.7.11		Quyết định công nhận tốt nghiệp cho HSSV hệ Liên thông Cao đẳng
160				1.2.03	Báo cáo tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021
161			2.7.12		Các biên bản họp về đào tạo liên thông 2019, 2020, 2021
162			2.7.13		Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông các năm 2019, 2020, 2021
163	3	3.1	3.1.01		Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Điện – Điện tử năm 2019, 2020, 2021
164			3.1.02		Hồ sơ quản lý giáo viên;
165			3.1.03		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng của Tổ chức GIZ
166			3.1.04		Các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế
167			3.1.05		Bảng khen của giáo viên đạt được qua các kỳ thi, hội thi 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
168			3.1.06		Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021
169			3.1.07		Phiếu tự đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo của Trường
170		3.2	3.2.01		Báo cáo quản lý công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021
171			3.2.02		Báo cáo tổng hợp ABC hàng tháng của Khoa Điện – Điện tử
172				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Điện – Điện tử năm 2019, 2020, 2021
173				3.1.02	Hồ sơ quản lý giáo viên;
174				3.1.03	Bản tự đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2019, 2020, 2021
175				3.1.04	Thông báo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2019, 2020, 2021
176			3.2.03		Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Điện - Điện tử năm 2019, 2020, 2021
177			3.2.04		Báo cáo tổng kết hoạt động của trường năm 2019, 2020, 2021
178			3.2.05		Các quyết định khen thưởng hàng năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
179		3.3		3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Điện – Điện tử năm 2019, 2020, 2021
180				2.2.01	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo năm học 2019, 2020, 2021
181				2.2.02	Thời khóa biểu năm học 2019, 2020, 2021
182				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022
183			3.3.01		Danh sách HSSV nghề Điện công nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
184			3.3.02		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
185			3.3.03		Bảng thống kê giờ dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
186			3.3.04		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
187				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Điện – Điện tử năm 2019, 2020, 2021
188			3.3.05		Bảng thống kê tỷ lệ qui đổi người học/nhà giáo
189		3.4		3.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
190			3.4.01		Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cấp cơ sở
191			3.4.02		Quy chế thi đua khen thưởng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
192			3.4.03		Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề
193			3.4.04		Danh sách nhà giáo giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các Hội thi tay nghề giỏi, Hội thi thết bị tự làm
194			3.4.05		Các đề tài nghiên cứu khoa học
195			3.4.06		Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH
196				1.2.06	Quyết định khen thưởng, hình ảnh các Hội thi
197		3.5	3.5.01		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên năm 2019, 2020, 2021
198			3.5.02		Các quyết định cử cán bộ giáo viên học nâng cao trình độ chuyên môn
199			3.5.03		Các quyết định cử giáo viên đi học ở nước ngoài
200			3.5.04		Hình ảnh về việc nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng hàng năm
201			3.5.05		Báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý
202			3.5.06		Báo cáo kết thúc khóa học bồi dưỡng của giáo viên; chứng chỉ học tập bồi dưỡng của giáo viên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
203		3.6		3.4.04	Danh sách nhà giáo giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các Hội thi tay nghề giỏi, Hội thi thết bị tự làm
204			3.6.01		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại doanh nghiệp
205			3.6.02		Hợp đồng/thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp
206			3.6.03		Kế hoạch / Quyết định cử giáo viên đi thực tập tại các doanh nghiệp
207			3.6.04		Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên
208			3.6.05		Báo cáo tổng kết công tác đào tạo giáo viên năm 2019, 2020, 2021
209		3.7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý khoa Điện – Điện tử
210			3.7.02		Hồ sơ cán bộ khoa Điện – Điện tử
211		3.8		3.7.01	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý khoa Điện – Điện tử
212			3.8.01		Bản tự đánh giá cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
213			3.8.02		Báo cáo đánh giá cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021
214			3.8.03		Biên bản họp thi đua khen thưởng hàng năm
215			3.8.04		Bằng khen, giấy khen cán bộ quản lý
216				2.2.17	Báo cáo tổng kết năm học 2019, 2020, 2021
217	4	4.1	4.1.01		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình
218			4.1.02		Biên bản họp tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình
219			4.1.03		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
220			4.1.04		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
221			4.1.05		Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định
222			4.1.06		Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo
223			4.1.07		Quyết định ban hành chương trình đào tạo
224		4.2	4.2.01		Quyết định thành lập Hội đồng Biên soạn, điều chỉnh chương trình năm 2020
225				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
226				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
227				4.1.05	Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định
228				4.1.02	Biên bản họp tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình
229				4.1.07	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
230			4.2.02		Giấy mời các chuyên gia và giáo viên ngoài trường
231			4.2.03		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ kỹ thuật tham gia xây dựng và thẩm định chương trình
232		4.3	4.3.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
233			4.3.02		Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
234			4.3.03		Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
235			4.3.04		Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
236			4.3.05		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
237			4.3.06		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
238				1.1.08	Báo cáo khảo sát doanh nghiệp
239		4.4		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
240				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
241				4.3.03	Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
242				4.3.04	Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
243				4.3.05	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
244				4.3.06	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
245				1.1.08	Báo cáo khảo sát doanh nghiệp
246		4.5		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
247				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
248				4.3.03	Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
249				4.3.04	Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
250				4.3.05	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
251				4.3.06	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về chất lượng chương trình đào tạo
252				1.1.08	Báo cáo khảo sát doanh nghiệp
253		4.6		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
254				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
255			4.6.01		Quy trình đánh giá kết quả học tập;
256			4.6.02		Quy chế đào tạo
257		4.7		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
258				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
259				2.3.17	Kế hoạch khảo sát ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo
260			4.7.01		Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021
261			4.7.02		Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021
262			4.7.03		Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021
263			4.7.04		Báo cáo Kết quả Khảo sát doanh nghiệp năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021
264		4.8	4.8.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (trình độ sơ cấp)
265			4.8.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (trình độ trung cấp)
266				4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (trình độ cao đẳng);
267			4.8.03		Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp
268			4.8.04		Các bộ chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
269			4.8.05		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo liên thông
270			4.8.06		Biên bản hội thảo, xây dựng, điều chỉnh chương trình liên thông
271		4.9		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (trình độ cao đẳng);
272				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
273			4.9.01		Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp;
274			4.9.02		Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp
275		4.10		4.9.01	Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp;
276				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp
277			4.10.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2017 và CTĐT chi tiết kèm theo
278				4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2020 và chương trình chi tiết kèm theo
279			4.10.02		Danh mục giáo trình đào tạo năm 2017
280				4.9.01	Danh mục giáo trình đào tạo năm 2020
281			4.10.03		Quy trình biên soạn, bổ sung, chỉnh sửa giáo trình đào tạo
282			4.10.04		Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa giáo trình 2017, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
283			4.10.05		Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn, điều chỉnh giáo trình năm 2017, 2020
284			4.10.06		Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo; Biên bản nghiệm thu giáo trình
285		4.11		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
286				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
287				4.9.01	Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp;
288				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp
289			4.11.01		Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình
290				4.10.06	Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo; Biên bản nghiệm thu giáo trình
291			4.11.02		Quyết định ban hành và áp dụng giáo trình
292			4.11.03		Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến về chất lượng giáo trình
293			4.11.04		Phiếu khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng giáo trình
294			4.11.05		Phiếu khảo sát ý kiến HSSV về chất lượng giáo trình

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
295			4.11.06		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng giáo trình
296			4.11.07		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát HSSV về chất lượng giáo trình
297		4.12		4.3.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
298				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
299				4.9.01	Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp;
300				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp
301				4.10.06	Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo; Biên bản nghiệm thu giáo trình
302				4.11.04	Phiếu khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng giáo trình
303			4.12.01		Phiếu khảo sát Cơ sở sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình
304			4.12.02		Phiếu khảo sát HSSV đã tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình
305				4.11.06	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng giáo trình

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
306			4.12.03		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát Cơ sở sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình
307			4.12.04		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát HSSV về mức độ phù hợp của giáo trình
308	5	5.1	5.1.01		Hồ sơ hoàn công
309			5.1.02		Hình ảnh các khu nhà học, xưởng thực hành
310			5.1.03		Bảng thống kê số lượng, diện tích phòng học, xưởng thực hành)
311			5.1.04		Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử
312			5.1.05		Hợp đồng cung cấp điện; Hóa đơn thanh toán tiền điện; Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp
313			5.1.06		Báo cáo tình hình cung cấp điện và nước sinh hoạt năm 2019, 2020, 2021
314			5.1.07		Bản vẽ hệ thống điện
315			5.1.08		Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt; Hóa đơn thanh toán tiền nước
316			5.1.09		Báo cáo tình hình cung cấp điện và nước sinh hoạt năm 2019, 2020, 2021; Bản vẽ hệ thống cung cấp nước sinh hoạt
317			5.1.10		Biên bản kiểm tra của cơ quan PCCC hàng năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
318			5.1.11		Quyết định thành lập đội PCCC; 5.1.10 - Các phương án chữa cháy
319			5.1.12		Các phương án chữa cháy
320			5.1.13		Danh mục thiết bị cho phòng/ xưởng
321			5.1.14		Sơ đồ bố trí sắp xếp thiết bị phòng/xưởng
322				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL, GV
323				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
324				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
325				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
326				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
327				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
328				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
329				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
330		5.2	5.2.01		Sổ quản lý TSCĐ năm 2019, 2020, 2021
331			5.2.02		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị năm 2019, 2020, 2021
332			5.2.03		Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử
333			5.2.04		Hồ sơ đầu tư thiết bị từ GIZ
334			5.2.05		Danh mục thiết bị được đầu tư từ GIZ; một số hình ảnh về thiết bị được đầu tư từ GIZ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
335			5.2.06		Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
336			5.2.07		Danh mục dạy nghề tối thiểu
337			5.2.08		Biên bản kiểm kê hàng năm
338			5.2.09		Thống kê số lượng người học từng nghề hàng năm
339			5.2.10		Sổ lên lớp/Danh sách người học tại mỗi lớp Lý thuyết và từng lớp thực hành, Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
340		5.3		5.2.03	Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử
341			5.3.01		Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
342				5.2.01	Sổ quản lý TSCĐ năm 2019, 2020, 2021
343				2.2.02	Thời khóa biểu năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
344			5.3.02		Kế hoạch thực tập doanh nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
345				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL, GV
346				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
347				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
348				2.3.24	Phiếu khảo sát GV

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
349				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
350				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
351				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
352				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
353		5.4		5.1.14	Sơ đồ bố trí sắp xếp thiết bị phòng/xưởng
354				5.1.02	Hình ảnh các khu nhà học, xưởng thực hành
355			5.4.01		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, quản lý trang thiết bị
356			5.4.02		Nội quy xưởng thực hành
357			5.4.03		Báo cáo kiểm tra hoạt động xưởng;
358			5.4.04		Báo cáo công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm
359			5.4.05		Biên bản kiểm tra hoạt động xưởng thực hành
360			5.4.06		Sổ quản lý TSCĐ năm 2019, 2020, 2021
361				5.2.03	Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử
362			5.4.07		Quyết định ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, Kế hoạch lịch trình bảo trì bảo dưỡng thiết bị
363			5.4.08		Quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất
364			5.4.09		Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị
365			5.4.10		Biên bản kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
366			5.4.11		Sổ bảo dưỡng trang thiết bị
367			5.4.12		Báo cáo công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm
368			5.4.13		Bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị
369			5.4.14		Quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị
370			5.4.15		Biên bản kiểm kê hàng năm
371		5.5		3.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
372			5.5.01		Quyết định ban hành định mức vật tư khoa Điện – Điện tử
373			5.5.02		Quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu
374			5.5.03		Sổ sách theo dõi cấp phát - thu nhận vật tư, dụng cụ năm 2019, 2020, 2021
375			5.5.04		Phiếu xuất-nhập kho năm 2019, 2020, 2021
376			5.5.05		Dự trữ vật tư của khoa Điện – Điện tử năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
377			5.5.06		Giấy yêu cầu vật tư
378			5.5.07		Báo cáo đánh giá việc cấp phát-thu nhập thiết bị, vật tư, vật liệu năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
379			5.5.08		Quyết định thành lập các kho và cán bộ phụ trách

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
380			5.5.09		Hình ảnh các kho lưu trữ
381			5.5.10		Báo cáo hoạt động của kho năm 2019, 2020, 2021
382				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL,GV
383				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
384				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
385				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
386				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
387				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
388				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
389				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
390		5.6		4.9.01	Danh mục giáo trình nghề Điện công nghiệp;
391				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Điện công nghiệp
392			5.6.01		Bảng kê danh mục giáo trình và số lượng tại thư viện
393			5.6.02		Bảng kê danh mục sách, tài liệu tham khảo
394			5.6.03		Bản in sách, tài liệu tham khảo
395			5.6.04		Bảng kê danh mục giáo trình được số hóa;
396			5.6.05		Bảng kê sách, tài liệu tham khảo được số hóa
397			5.6.06		Sơ đồ mặt bằng thư viện
398			5.6.07		Biên bản kiểm kê thư viện năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
399			5.6.08		Hợp đồng cung cấp Internet
400			5.6.09		Hợp đồng Thư viện số
401				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL,GV
402				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
403				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
404				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
405				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
406				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
407				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
408				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
409		5.7		1.1.09	<u>Trang web http://vcmi.edu.vn</u>
410			5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
411			5.7.02		Hợp đồng cung cấp phần mềm quản lý thư viện
412			5.7.03		Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu đang sử dụng tại thư viện
413			5.7.04		Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa
414				5.6.08	Hợp đồng cung cấp Internet
415			5.7.05		Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm
416				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
417				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
418				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
419				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
420				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
421				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
422		5.8	5.8.01		Danh mục các phần mềm ảo
423				4.3.02	Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng
424	6	6.1	6.1.01		Kế hoạch hoạt động đầu khoá
425			6.1.02		Nội quy quy chế nhà Trường
426				4.6.02	Quy chế đào tạo
427				2.5.01	Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
428			6.1.03		Quy chế công tác HSSV
429			6.1.04		Biên bản sinh hoạt lớp
430			6.1.05		Sổ tay học HSSV
431				1.1.09	Trang web http://vcmi.edu.vn
432			6.1.06		Biên bản sinh hoạt lớp
433				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL, GV
434				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
435				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
436				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
437				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
438				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
439				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
440				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
441		6.2		3.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
442			6.2.01		Quyết định tặng học bổng khuyến khích năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021
443			6.2.02		Quyết định khen thưởng HSSV đạt thành tích cao tại hội thi các cấp năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021
444			6.2.03		Quyết định khen thưởng HSSV tham gia tích cực hoạt động phong trào năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021
445			6.2.04		Quyết định khen thưởng tập thể lớp HSSV xuất sắc năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021
446			6.2.05		Quyết định miễn giảm học phí cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
447			6.2.06		Quyết định miễn lệ phí ký túc xá cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020, 2020 – 2021
448			6.2.07		Quyết định tặng quà tết cho đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn
449			6.2.08		Danh sách chi tiền tết cho HSSV dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại Đồng Nai
450				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL, GV
451				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
452				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
453				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
454				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
455				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
456				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV
457				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
458		6.3	6.3.01		Quyết định thành lập Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm
459			6.3.02		Quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm
460			6.3.03		Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
461			6.3.04		Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp
462			6.3.05		<u>Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp; -www.http//vcmi.edu.vn; website: vieclamdongnai.net)</u>
463			6.3.06		Hợp đồng, thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc tiếp nhận học sinh đi thực tập và làm việc
464				2.4.02	Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp
465			6.3.07		Kế hoạch mời doanh nghiệp tư vấn tuyển dụng
466			6.3.08		Hình ảnh tư vấn tuyển dụng học sinh-sinh viên
467			6.3.09		Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn nghề
468			6.3.10		Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn nghề
469				2.5.05	Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020;2021
470			6.3.11		Thư mời tham gia sàn giao dịch việc làm
471			6.3.12		Kế hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm
472			6.3.13		Hình ảnh hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm tỉnh Đồng nai

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
473			6.3.14		Báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm HTTS&TVVL năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
474		6.4	6.4.01		Qui hoạch tổng thể khuôn viên nhà trường
475			6.4.02		Hồ sơ hoàn công xây dựng các công trình
476			6.4.03		Một số hình ảnh cảnh quan
477			6.4.04		Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng ngày thành lập đoàn 26/3 20/11...
478			6.4.05		Hình ảnh các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ thể thao với các đơn vị bạn
479			6.4.06		Kế hoạch tổ chức các hoạt động tình nguyện
480			6.4.07		Hình ảnh các hoạt động tình nguyện
481				2.3.21	Kế hoạch khảo sát CBQL,GV
482				2.3.22	Kế hoạch khảo sát HSSV
483				2.3.23	Phiếu khảo sát CBQL
484				2.3.24	Phiếu khảo sát GV
485				2.3.25	Phiếu khảo sát HSSV
486				2.3.26	Báo cáo kết quả khảo sát CBQL
487				2.3.27	Báo cáo kết quả khảo sát GV

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
488				2.3.28	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV
489	7	7.1	7.1.01		Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
490			7.1.02		Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
491			7.1.03		Bảng nhập liệu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
492			7.1.04		Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát
493			7.1.05		Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
494		7.2		2.5.14	Quyết định tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
495			7.2.01		Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
496			7.2.02		Phiếu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
497			7.2.03		Bảng nhập liệu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
498			7.2.04		Báo cáo kết quả khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
499		7.3	7.3.01		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, giảng viên
500			7.3.02		Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý
501			7.3.03		Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
502			7.3.04		Phiếu tự đánh giá của giảng viên sau khi kết thúc modul/môn học
503			7.3.05		Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên tham gia khảo sát
504			7.3.06		Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý
505			7.3.07		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên
506			7.3.08		Báo cáo kết quả tự đánh giá của giảng viên
507		7.4	7.4.01		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ HSSV
508			7.4.02		Phiếu khảo sát lấy ý kiến của HSSV
509			7.4.03		Danh sách người học hàng năm
510			7.4.04		Danh sách người học được lấy ý kiến
511			7.4.05		Báo cáo kết quả khảo sát
512		7.5	7.5.01		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021
513			7.5.02		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021
514			7.5.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021
515			7.5.04		Công văn 1982/TCGDNN-CTMT ngày 30/09/2019
516			7.5.05		Quyết định thành lập Hội đồng thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
517			7.5.06		Kế hoạch thực hiện thi điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao
518			7.5.07		Báo cáo tự đánh giá chất lượng theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao
519		7.6	7.6.01		Kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm
520			7.6.02		Công văn 3874/LĐTBXH-GDNN về mở lớp Sư phạm Dạy nghề
521			7.6.03		Quyết định cử giáo viên đi học tập tại nước ngoài
522			7.6.04		Quyết định cử giáo viên đi thực tập doanh nghiệp
523			7.6.05		Hồ sơ lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề Điện công nghiệp
524			7.6.06		Hồ sơ kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia
525			7.6.07		Các hợp đồng mua trang thiết bị
526			7.6.08		Các hợp đồng / tài liệu xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất
527		7.7	7.7.01		Biên bản họp xét điều kiện tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
528			7.7.02		Báo cáo kết quả tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
529			7.7.03		Quyết định, danh sách HSSV tốt nghiệp 2018, 2019, 2020
530				7.2.01	Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
531				7.2.02	Phiếu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
532				7.2.03	Bảng nhập liệu khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
533				7.2.04	Báo cáo kết quả khảo sát lần vết năm 2019, 2020, 2021
534				7.1.01	Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
535				7.1.02	Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
536				7.1.03	Bảng nhập liệu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
537				7.1.04	Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát
538				7.1.05	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021

